

# TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

## QUYỂN 15

### CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

#### TRONG PHẦN 11 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có bốn vị).

1- Truyện ngài Thích Pháp Mãn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Tuyền trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Diệu trụ chùa Thần Túc ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

4- Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Miên Châu, thời Tiền Đường.

5- Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

6- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

7- Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu, thời Tiền Đường.

8- Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu, thời Tiền Đường.

9- Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

10- Truyện ngài Thích Hạnh Đăng trụ chùa Từ Bi ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

11- Truyện ngài Thích Chỉ Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Hưu trụ chùa Từ Nhuận ở Tương Châu, thời Tiền Đường (Đàm Nguyên, Linh Phạm).

13- Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường(Tĩnh Nguyên,Trí Diển).

14- Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô, thời tiền Đường.

15- Truyện ngài Thích Nghĩa Bao trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

***1- Truyện ngài Thích Pháp Mãn trụ chùa Tĩnh Lâm ở Việt Châu:***

Thích Pháp Mãn, họ Tôn, người ở xứ Đôn Dương. Năm tám tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Thiên sư Anh, xin làm đệ tử. Sư đến Mao Sơn, nghe Pháp sư Minh giảng về Tam luận.

Pháp sư Minh là người được Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng di chúc vậy. Lúc đầu, khi Lãng Công sắp thị tịch, Ngài gọi tất cả Môn nhân đến để nói về Hậu sự, khiến tự nêu chỗ, đều chẳng trúng ý. Do đó, các người học đều là môn nhân có tiếng tăm, bảo chăm chú nhìn. Lãng Công bảo:” Người được ta đề cử là Minh Công.” Đồ chúng gần cả ngàn vị tên Minh, chẳng phải một, nên đều bảo: “Phỏng theo nghĩa chỉ, thì chẳng hay ai là Minh.” Lãng Công bèn bảo:” Minh ở phía dưới trụ phía đông chỗ ta đang ngồi. Minh Công ở pháp tịch này chẳng di dời suốt tám năm, miệng không bàn nói, thân chẳng vọng can thiệp.” Cả chúng đều đưa mắt nghi ngờ nhìn Minh Công. Nay có lời bảo ấy không ai chẳng thắc mắc, riêng bàn với nhau cho rằng Pháp sư có được tha lực phù hộ. Lãng Công bảo: “Ta nêu cử Minh Công, ắt quấy nhiễu Ý Chúng, Pháp giáo không riêng tư, chẳng dung chứa vết ản.” Bèn bảo Minh Công đến chỗ Pháp tòa đối chúng tiếp nối đó. Minh Công tánh tình khiêm nhường, khóc lóc cố từ chối. Lãng Công bảo: “Minh Công hãy đến, ý ta đã quyết! Vì lắng miệng chúng hãy nêu chỗ cùng cực.” Và Lãng Công bảo một thiếu niên bưng đến truyền tọa, bảo rằng: “Đại chúng lắng nghe! Nay hỏi trong luận có mười khoa nghĩa sâu, ban đầu không hề nói, mà Minh Công đã thấu hiểu, có thể mỗi mỗi đều tiếp nối”. Khi Minh Công đã tiếp nối kế thừa thì đại chúng đều thóa thích kính phục, đồng hồ thẹn sảm tạ về sự khinh miệt. Liền ngay ngày đó, Pháp sư Minh Giã từ Lãng Công, dắt dẫn môn nhân vào Mao Sơn suốt đời chẳng bước ra, thường mở mang luận ấy. Nền Tông của Hưng Hoàng nêu lên chỗ đến cùng của Sơn Môn. Sư tham cứu trích lấy Tinh lý, ra nghe Đông An giảng, lời đồng mà ý khác. Sư lại có bộ riêng.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư lại nghe Thật ở chùa Cao-ly giảng kinh

luận Đại thừa, đích thân Sư làm Nam tọa kết chấn ba châu. Đến khi Thật Công thị tịch, Ấn sư ở chùa Cao-ly lại lên đất Thục để giảng luận, nên pháp tịch điêu tàn. Khi nhà Trần mất nước, Sư mới hoàn tục ba năm ở ẩn, rồi xuất gia trở lại, đến đất Việt lánh nạn. Sư đến trụ chùa Lương An ở Dư Diêu, hưởng dẫn mười vị Sa-di, giảng Kinh Pháp Hoa, Tam luận nối nhau không ngừng nghỉ.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư trở lại Đơn Dương, giảng Kinh Hoa Nghiêm, Niết-bàn suốt hai năm. Việt Châu Điền Đô Đốc, lại tìm thỉnh Sư về chùa Nhất Âm, liên tục giảng pháp. Bấy giờ Đại chúng nhóm họp các hàng sa-môn Nghĩa Học có hơn tám trăm vị trong hơn bảy mươi châu quận. Tăng chúng ở tại xứ sở gồm một ngàn hai trăm vị. Ni chúng ba trăm vị, còn các hàng sĩ tục nhóm họp thì không thể tính kể. Bấy giờ gọi đó là mừng hội Pháp Khánh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, các hàng sĩ tục ở Cối Kê thỉnh Sư đến trụ chùa Tĩnh Lâm giảng Kinh Hoa Nghiêm. Đến cuối tháng sáu, trong lúc đang giảng, có con rắn treo nửa thân mình trên đỉnh đầu Sư, thân dài tới bảy thước, màu vàng ròng, phát ra ánh sáng năm màu, mãi tới lúc giảng xong mới ẩn hình. Đến lúc mãn Hạ, Sư trở về chùa Nhất Âm ban đêm có hai người mặc áo đỏ đến đánh lễ thưa với Sư rằng: “Pháp Sư Giảng bốn bộ kinh lớn, công đức thật khó lường, phải đến phương khác để giáo hóa. Nên chúng tôi từ phương Đông đến đây đón rước Pháp sư!” Đệ tử của Sư có mấy mươi vị đều trông thấy việc ấy!

Đến ngày mười bảy tháng tám niên hiệu đó (645) trước đó ba ngày ba đêm tự nhiên mờ tối. Vừa đến ngày hai mươi ba lúc Sư sắp thị tịch bỗng nhiên phát ra ánh sáng rực rỡ, đang đêm tối mà như ban ngày, mặt đất rung chuyển. Nhân đó, Sư thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi. Sư thân cao bảy thước sáu tấc, dùng để an táng bảy ngày, có mùi thơm lạ chẳng dứt. Mọi người thấy đều lấy làm lạ ngợi khen, kẻ tăng người tục trang nghiêm, tiễn đưa Sư đến núi Long An.

## ***2- Truyện ngài Thích Tuệ Tuyền trụ chùa Quang Phước ở Tương Châu:***

Thích Tuệ Tuyền, họ Đổng. Xuất gia từ thưở thiếu thời tại Tương Châu. Sau thời Bắc Chu phá hủy Phật Pháp, Sư đi về hướng Nam đến đất Trần. Sư vào Mao Sơn nghe Pháp Sư Minh giảng Tam luận. Lại đến chùa Thê Hà nghe pháp Sư Huyền Bố giảng Tứ luận và Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn v.v... về sau, Sư lại đến chùa Đại Lâm ở An Châu nghe Pháp

sư Viên giảng Thích Luận, các nơi Sư đến đều khế hợp với U Cực. Sư lại trở về Hương Tử, trụ chùa Quang Phước. Gặp loạn lạc, Sư vào thành, Lữ Tổng Quản, v.v... thỉnh Sư đến Quan Xá giảng Kinh Hoa Nghiêm. Tăng chúng nhóm họp có đến năm trăm vị, gặp phải giặc dã vây quanh, nên mỗi người đều tâm cung kính. Không bao lâu thì lụi tan, Sư lại tư duy sâu xa về Pháp lực.

Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường an thái, Sư lại đến trụ chùa Long Tuyền. Với Tam luận Đại Kinh, Sư thường luôn mở mang. Sư thông đạt cả Lão Trang Tử Sử, nói cười cảm động lòng người. Công tư vinh đạt, tham hỏi đông nhiều. Tương Kỷ các Vương đồng đến Tương Bộ, đích thân bày tỏ kính phụng tọa trấn như lúc ban đầu. Vương đi ra cửa, ngoái nhìn lại bảo: “Rước đưa đều không đi, đó là sự trọng vọng của Phật Pháp!” Do đó tiếng tăm Sư càng vang xa đến Hán Nam.

Niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi hai (648) thời Tiền Đường. Sư đang giảng Kinh Niết-bàn. Đêm mồng tám tháng bốn, thần núi đến báo rằng: “Pháp Sư hãy nhanh chóng xây dựng thêm phòng nhà, không bao lâu sẽ sinh về Tây Phương!” Đến ngày mười bốn tháng bảy, Sư giảng Kinh Vu-lan vừa xong. Sư dang tay mà bảo rằng: “Lúc sống thường tín thí, nay phải ban rải khắp cùng, từ một mảy may trở lên đều xả thí vào của mười phương chúng Tăng, những người nghèo cùng cầu xin và các hàng Di đạo v.v...” nói xong, Sư liền thị tịch tại pháp tòa, thọ bảy mươi chín tuổi.

Ngài lập tánh rộng rang nhàn tĩnh, không nói điều sai quấy của người. Khách mới đến, mừng vui như bạn thân, miệng luôn mỉm cười. Từ bi thường ở trong tâm. Sư thông hiểu Huyền nho, thông suốt Văn thể, nên các hàng Sĩ tục ở Tương Châu đều kính ngưỡng Sư. Nghe tin Sư thị tịch ai cũng rơi lệ.

Lúc mới đến trụ chùa Quang Phước, ở trên đỉnh núi gánh nước rất khổ nhọc. Sư sắp dời đi chùa khác, ban đêm thấy vị Thần thân cao một trượng mặc áo bào màu tím đến đảnh lễ Sư, thưa rằng: “Kính thỉnh Sư thường ở đây giảng kinh Đại thừa. Chớ vì Tiểu thừa mà lấy làm lo! Tiểu thừa ấy cũng như núi cao không nước chẳng thể làm lợi ích cho người. Còn Kinh Đại thừa giống như biển lớn, tự ở núi này có nhiều Phật ra đời, một người đọc tụng giảng pháp Đại thừa, có thể khiến tại chỗ ở phát sinh các thứ châu báu tỏa sáng, quyến thuộc đông đầy tốt đẹp. Các thức ăn uống sung túc. Nếu có các việc Tiểu thừa trước đó thì đều mất. Cúi mong Pháp Sư hoằng trì, chớ phụ Sư trông mong! Pháp Sư cần nước, việc ấy được vậy. Qua ngày mồng tám tháng sau chắc chắn

sẽ có được, tự đến con suối lớn tại núi Từ Mẫu ở Kiến Nam thỉnh một Long vương đi!” Nói xong, liền biến mất. Vừa đến kỳ hạn, đầu hôm mỏng bầy, bỗng nhiên gió lớn từ hướng Tây Nam nổi dậy thổi đến, sấm sét vang động, mưa tuôn xuống. Dưới miếu Hán Cao ở phía Bắc chùa; phía sau Phật Đường khoảng trăm bước suốt đêm tương tục cho tới sáng mới dứt. Chỉ thấy dòng suối trong sạch, có mùi thơm lại ngọt ngon. Cả đại chúng đồng vui mừng. Đến lúc Sư thị tịch, suối rồng ấy dần dần khô cạn. Nói theo đó thì Sư cũng có sự cảm thông cùng cực.

### **3- Truyện ngài Thích Tuệ Diểu trụ chùa Thần Túc ở Tương Châu:**

Thích Tuệ Diểu, họ Trang. Xuất gia từ thuở thiếu thời, Sư lấy pháp tiểu thừa làm chính, đến học khắp các Châu Tề, Từ, Thanh Hải, v.v... thông hiểu Số Luận, tiếng tăm vang khắp Giang Hán.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư trở về trụ chùa Báo Thiện ở quê nhà. Nhân Tượng Vương Triết Công ở tại Long Tuyền hạ khai giảng Tam luận. Sư sinh tâm bất nhẫn bảo rằng: “Tam luận nói rõ về nghĩa không, mà người giảng lại chấp chặt không.” Sư nói vừa xong, bỗng nhiên lưỡi dài ra ba thước, lỗ mũi, mắt và hai tai đều ra máu, suốt bảy ngày không nói được. Có Luật sư Thái, nghe Sư bài bác sơ lược về Đại Thừa mà lưỡi liền bị kéo ra, bèn bảo Sư rằng: “Ông là người rất ngu si. Chỉ một lời phỉ báng kinh, tội còn hơn cả ngũ nghịch. Nếu tin Pháp Đại thừa mới được khỏi.” Và bảo Sư đốt hương phát nguyện sám hối lời nói trước, lưỡi Sư liền thu lại, bèn khiêng Sư sang chỗ Triết Công, phát tâm thệ nguyện thâu lại vết tích, chỉ nghe pháp Đại Thừa. Đến lúc Triết Công thị tịch, Sư thiết đại trai hội nơi tháp mộ, lại xây dựng đạo tràng Thất xứ bát hội, thỉnh mời rất đông các hàng Đạo tục. Trăm ngày đã mãn, Sư liền đến trụ chùa Thần Túc ở Hương Sơn. Chân chẳng bước ra khỏi cửa chùa, luôn tụ tập pháp Đại thừa. Sư thường khuyên trong các xóm ấp, mỗi năm bốn mùa giảng các Kinh Hoa Nghiêm, v.v... để tỏ bày sám tạ. Sư thường ở giữa chúng, tự nói bày lỗi lầm ngày trước. Sư ở riêng một phòng, thường ngồi thường niệm.

Ngày mồng ba tháng bốn niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư ngồi thiền tại rừng thông ở phía sau chùa, thấy có ba người dung mạo đều cao lớn, mặc áo sắc đỏ đến lễ bái, xin thọ giới Bồ-tát xong, rồi tự thưa với Sư rằng: “Thiền sư là người rất lợi căn, nếu chẳng đổi tâm tin theo Đại Thừa thì dầu ngàn Đức Phật đã ra đời vẫn còn ở trong địa ngục!”. Sư nghe lời dặn bảo sâu nặng đó mà

nước mắt nước mũi tuôn chảy, khóc lớn trở về chùa. Tại trước phòng giảng, Sư thiết tha nghẹn ngào, không thể nói nên lời, dùng nước rửa tỉnh, lại càng khóc lớn. Sư nhiều Phật sám hối, lấy đó làm việc thường. Sư khuyên hóa các hàng Sĩ tục tạo các kinh luận như Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích, Phật tạng, Tam Luận v.v... mỗi thứ trăm bộ.

Đến giữa trưa ngày mồng chín tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, đang ở trước điện Phật sám hối, nhân đó Sư tịch, thọ hơn tám mươi tuổi. Từ khi Sư tịch trải qua bảy ngày, rừng cây tự nhiên biến thành màu bạc trắng, sỏi lớn đục ngầu, qua thời gian đó mới trở lại như cũ. Đó cũng là người biết lỗi mà hối cải thì đồng như người không lỗi, thật có thể là Phúc lành!

Chùa Sư ở cách xa Thành ấp hơn năm mươi dặm, mà theo ngài cầu thọ quy giới có hơn bảy ngàn người, ồn ào cùng kéo đến núi, họ kiến lập Đại Trai hội ở nơi tháp mộ Sư. Có ba mươi vị Pháp sư, mỗi vị khai giảng một kinh, để thấm nhuần linh tạo.

#### ***4- Truyện ngài Thích Linh Duệ trụ chùa Long Tịch ở Niên Châu:***

Thích Linh Duệ, họ Trần. Vốn gốc ở Dĩnh Xuyên, đến ngụ ở Thục Châu, trở thành người Trần Hương thuộc Ích Xương. Tổ Tông của Sư tin theo họ Lý (Lão Giáo). Ngày mồng tám tháng hai, mẹ của Sư vào Đạo Quán thiết lập trai hội cúng thí, nhân đó cầu xin được có con. Khi trở về nhà, đêm ấy mộng thấy đang ngồi dưới rừng thông, bỗng có một cái bình bát bằng bảy báu từ gốc cây bay vào miệng bà, Bà liền mang thai, sau đó bà không ưa thích các thứ mùi vị Ngũ tân. Đến lúc sinh ra Sư, nếu như có ăn nhầm thì cả mẹ lẫn con đều đau đầu, từ đó bèn bỏ hẳn.

Năm tám tuổi, cha mẹ dẫn Sư đến chỗ Đạo sĩ, bảo đọc bộ Hư từ, liền đó các khiểu huyết trên mặt máu chảy ra, bèn không đọc được. Trở về nhà, vào đồng ruộng, gặp được Pháp Sư Trí Thắng, Sư liền nói: “Gia đình vốn kính thờ Đạo, riêng con kính thờ Phật, muốn xuất gia với Sư!” Ngài Trí Thắng liền dẫn Sư đến chùa Thắng Nghiệp ở Ích Châu, làm Sa-di, chỉ trong một mùa Hạ, Sư thâm thông suốt Kinh Đại Phẩm.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Ấn Công ở chùa Cao-ly đến đất Thục giảng Tam Luận. Sư lại làm Đệ tử ngài Ấn Công. Sư thường tu theo Đại thừa. Sau, Sư đến kinh đô, đến nghe các Pháp. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, Sư lại trở ra Thục đô, trụ chùa Pháp Tự. Niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường, Hạo Công ở

An Châu đến đất Thực, trụ chùa Đại Kiến Xương, khai giảng kinh giáo Đại thừa, Sư cùng dự học tại pháp điền ấy suốt ba năm.

Sau đó, Sư về lại chỗ ở gốc, thường giảng dạy Bộ luận ấy. Trải qua hai năm, trong chùa có hàng đệ học thành thật bề bạn ganh ghét bộ không luận ấy, thường phá tâm Sư, sắp dấy ý hại. Sư ở trong phòng nằm ghỉ sát vách tường phía Bắc. Đầu hôm mới về đến giường vừa gá nghiêng lưng, tự nhiên bồn chồn chẳng yên, lông trên thân dựng đứng. Sư bèn dời sang ngồi ở giường phía Nam. Đến canh ba, bỗng nhiên nghe phía ngoài, vách tường phía Bắc có vật khua đánh vào đến chỗ thường nằm. Sư bèn đến xem xét mới thấy cây giáo tre sơn dài hai trượng, thế hướng nếu như thân nằm ở giường sẽ xuyên ngang. Kẻ muốn hại Sư đã không được lại dùng bạc thoi thuê giặc vào phòng. Sư ngồi bên cạnh bàn mà không hề tìm được, chỉ thấy một cái áo giáp tại chỗ Sư thường ngồi. Sư biết hại đó là ác, nên liền dời quán trở về trụ chùa Quang Tịch ở Ích Xương thuộc Miên Châu. Thân tướng Sư đen xấu, cao chỉ năm thước. Nói năng đến đâu, đều thông ngộ trước cả. Sư thường giảng kinh giáo Đại thừa, lấy làm chánh nghiệp.

Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có Thiên sư Khiên ở Thông Châu phát tâm làm đàn việt hết lòng cung cấp. Đồ cúng có đến ba trăm vị. Đến đêm hai mươi lăm tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) Sư nằm mộng thấy có người đội mũ mặc áo đến đón rước Thiên sư Khiên đi về phương Tây, trong bình bát của tăng chúng rỗng không chẳng có vật gì. Qua ngày ba mươi, tự nhiên bảy quả chuông vừa lớn vừa nhỏ, khánh đồng có hơn mười cái trong chùa cùng một lúc kêu vang, sang canh ba thì Thiên sư Khiên ngồi kiết già trên giường dây mà thị tịch. Từ đó về sau, Sư bèn vân du giảng nói khắp nơi, truyền bá hóa độ không ngừng nghỉ.

Đến canh tử ngày hai mươi một tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, gió rất lớn bỗng nhiên nổi dậy, có tiếng nói lớn bảo rằng: “Tháng mười năm sau, Pháp sư Linh Duệ sẽ thọ sinh đến chỗ Bồ-tát Quán Thế Âm tại Tây A tại núi Quang Minh thuộc nước Nam Hải!” Đến kỳ hạn, ngày mồng ba tháng mười, cả chúng kẻ tăng người tục lớn nhỏ đều trông thấy phướn đẹp, và Bồ-tát bay xuống đầy khắp chùa. Sau khi xong thời giảng, Sư vào phòng xem sơ đọc kinh. Phía ngoài có vị tăng bảo: “có phướn đẹp mùi hương thơm lạ xông khắp chùa và phòng”. Sư nghe, bèn xếp kinh ra nhìn xem, liền sửa sang dung nghi, đứng yên mà thị tịch, thân hình đứng vững không nghiêng động. Mọi người đỡ vào nằm trong phòng. Đến canh ba bỗng nhiên Sư ngồi



dậy xếp chân kiết già như lúc còn sống. Các hàng từ Thứ sử trở xuống đều tự tay dâng hương cúng dường nhục thân ngài. Kẻ tăng người tục cùng nhau đón rước về núi Đông Độ, thiết đại trai hội có tám ngàn người. Năm đó, Sư tám mươi ba tuổi.

Sư vốn thanh khiết, từ thưở nhỏ hề quá giữa ngày thì Sư không ăn uống. Các thứ tanh nồng cay hôi không bao giờ Sư dùng đến, trọn cả đời như vậy.

**5- Truyện ngài Thích Tăng Biện trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô:**

Thích Tăng Biện, họ Trương, người ở xứ Nam Dương. Khi Chử Cung bị đánh chiếm, Sư dời đến quan ải ở Bằng Dực. Năm bảy tuổi, mỗi ngày Sư tụng thuộc ngàn lời. Người đương thời lấy làm lạ, tiếng tăm Sư vang khắp xóm làng. Năm mười tuổi, Sư kính mến đạo pháp. Vì hạn cục bởi Công hiến nên chưa được xuống tóc xuất gia. Sư nghe giảng hai bộ Kinh Duy-ma và Nhân Vương, Văn nghĩa đều gồm thấu. Sư lên tòa đáp thuật, tuyên dương giáo lý thích đáng với đương thời. Các vị Đại đức Tiên học nhìn Sư bảo rằng: “Sau khi chúng tôi qua đời không còn phải lấy làm lo, vì người này (chỉ cho Tăng Biện) xuất gia sẽ tiếp nối làm hưng thịnh Di Pháp!”

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cho Tô oai chọn lấy ba ngàn người để sung vào số người được độ. Lúc đó, Sư còn nhỏ đứng ở cuối hàng, xem thường hạnh nghiệp của Sư nên Tô oai gọi đến bảo miệng tụng. Sư đọc Văn từ trăm bồng êm đềm trong suốt, chương cú hợp đoạn, thần sáng vững chắc. Mọi người thấy vậy đều nhìn chăm chú. Do đó, Sư rất được tán thưởng, ngoài ra các thứ khác đều chẳng cần thi. Sư cùng được xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư chuyên tâm kinh luận. Bấy giờ, có Pháp sư Trí Ngưng là bậc có sở học nổi tiếng chốn Kinh Hoa, đức hạnh bao trùm núi cả. Sư bèn theo hỏi, dần biết bến bờ, mới trải qua nhiều năm, tiếp thừa Pháp tịch, đáp thuật xứng hợp với các bạn đồng tu, bèn giúp cho hàng số đệ tử có chánh lượng. Các hàng thức giả đều tỏ ngộ, kinh lạ tiết khí lớn lao của Sư.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Sư được thỉnh vào Đạo tràng Đại Thiên Định. Chúng lại nhóm hợp đến, mừng vui sự khai giải của Sư. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sư lại ra quan ải đi về hướng Đông rảo khắp Bồ Châu, Ngô Châu, Thiểm Châu, Quắc Châu, mở rộng Pháp hóa. Khắp bốn phương nghe tiếng tìm đến,



tốt đẹp gấp bội hơn lúc mới đầu. Sư từng ở tại Nhuế Thành, sắp Khai giảng Nhiếp Luận, người nghe đầy khắp. Các hàng Đạo sĩ, Sa-môn đồng tranh nhau đến, Tựa huyền sắp xong. Hoàng Cân đặt câu hỏi, Sư đối đáp xong, sau tụng trước mở. Sư bảo: “Chánh Pháp tự sáng, gió tà đến che, tuy là tụng rộng, chẳng khác thông trước.” Hoàng Cân Cao hỏi lại chuyển thêm già ngu, cho là nghĩa trắng. Bỗng nhiên gió xoay lại nổi mạnh thổi hướng về Lý Tông, mạn ngã đổ bít lấp, thân đầu phiến nhiều, khăn mào nằm tứ tung, áo tóc rối loạn. Gió thổi đến tăng luân, điềm nhiên tự diệt. Đại chúng cùng cười hình ảnh quái lạ ấy. Chỉ một lúc bèn tan. Sáng hôm sau nhập Văn, Hoàng Cân thẹn đỏ mặt chẳng nhóm họp. Sư tuy thừa thế tốt đẹp đó nhưng nói năng sắc mặt chẳng biến đổi. Bấy giờ, mọi người đều phục Thăng Độ của Sư.

Vào niên hiệu Trinh Quán (627....) thời Tiền Đường, khai mở công việc phiên dịch kinh điển, Sư được thỉnh đảm nhận việc chứng nghĩa. Đến lúc xây dựng chùa Hoàng Phước, lại thỉnh Sư đến trụ đó. Tuy thường dùng anh hoa để cư xử mà tính Sư chẳng nghĩ đến thắng thua, định ra thời khóa giảng dạy, chẳng đổi thay bởi thời tiết nóng lạnh. Các hàng Di học tiếng tăm đều mừng vui cùng tham dự pháp tịch. Nên khiến khắp trong nước, ngoài nước, các hàng tăng tục Hoa Di chẳng ngại xa muôn dặm đều nườm nừa Đạo phong đến tham yết. Bộ luận Câu-xá, nổi tiếng từ xưa chưa từng khai giảng, Pháp sư Đạo Nhạc chia chương giải thích, khi Sư chánh thức giảng luận thì Pháp sư bèn phế bỏ mà theo nghe, những điều nghe được Pháp sư ghi lại ba trăm trang giấy. Hoặc có người nghe mới đầu khai mở trường giảng, hoặc giữa đường nhàn rỗi chút ít, chỉ có Pháp tọa là không luận hơn kém, đều tham dự vào chỗ ngồi bày kinh mà nghe. Đó là khao khát giáo pháp, rất tốt không có bè bạn. Sư khiêm nhượng biết đủ, chẳng trọng vinh hoa ở đời, tiếng tăm vang khắp trong nước. Các hàng Công khanh đều uỷ khác mà chẳng biết hình dung của Sư. Đều đến tìm kiếm Sư. Oai nghi Sư vẫn như thường, tiết tháo không hề biến đổi. Mặc tình Sư đến đi, chẳng từng cần đón rước. Bấy giờ, những người đức hạnh bình thường đều có tâm mến chuộng mà chẳng thể thực hành.

Đến ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Hoàng Phước, thọ bảy mươi lăm tuổi. Bấy giờ, gặp lúc tiết trời nắng nóng. Nhục thân Sư lưu lại hai tuần, mà tướng mạo cũng như lúc còn sống, hình sắc không đổi khác, mãi đến ngày an táng cũng chẳng bị phân hủy. Khi ấy, trời nắng hạn đã lâu, bụi bặm tung mù trời. Sáng sớm mai tiễn đưa thì đêm đó trời có cơn

mưa nhỏ, cho nên cờ lọng sắp bày đều được thăng tể. Bấy chúng cùng theo thân chẳng nhọc mệt. An táng tại gò Long Thủ phía Tây ngoại ô, đục đất làm khảm, tôn trí tại đó. Phía trong cửa làm con đường đi thông suốt. Tăng Tục đều cùng trông xem. Đến nay đã bốn năm mà da thịt vẫn như lúc còn sống.

Sư có tâm thương xót cứu giúp, ưa thích giáo pháp lấy làm chính. Đang đi trên đường nếu gặp người nghèo khổ, Sư chẳng phân biệt người hay súc vật, đều hết lòng cứu giúp nguy ách cho họ! Việc giảng và nghe là việc thường hằng của Sư. Với các bộ luận như Nhiếp Luận, Biện Trung Biên, Duy Thức, Tư Trần, Phật Tánh, Vô Tánh, v.v... Sư đều soạn ra Chương sớ, hiện được truyền bá ở đời.

### **6- Truyện ngài Thích Pháp Thường trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:**

Thích Pháp Thường, họ Trương, người ở xứ Bạch Thủy thuộc Nam Dương. Cao Tổ Sư tên Long, làm quan dưới thời nhà Ngụy, nên dời đến ở Quận Hà Bắc.

Thuở thiếu thời, Sư có học Nho nên biết đại khái, nhưng nhàm chán sự huyền tạp trong đó nên khởi tâm ưa thích xuất gia. Kính trọng giới pháp tự gìn giữ khác với đồng bạn, nên được đại chúng suy tôn. Năm mười chín tuổi, Sư đến chỗ Pháp Sư Đàm Diên, vừa được xuống tốc, Sư liền tham dự nghe pháp, Ngài Đàm Diên mở mang đường đạo rộng lớn, Sư theo học chưa đầy một năm, đã giảng được kinh Niết-bàn. Kể tăng người tục dự nghe đều lấy làm lạ và lý thú. Từ đó, Sư chuyên gần gũi hầu hạ, sớm tối học hỏi, thường khởi động chỗ sâu kín. Ngài Đàm Diên vui mừng tình lý sâu xa của Sư, bèn xoa đầu Sư, bảo rằng: “Xét chỗ thể nhập của ông, thì chắc chắn sẽ trú trì chánh pháp!”. Do đó, Sư tinh nghiên xét nghĩ, không bỏ phút giây. Lúc ấy, Sư vừa mới hai mươi hai tuổi. Nhiếp luận bắt đầu hưng khởi, Sư theo nghe tâm pháp mà kính ngưỡng nghĩa rộng ấy. Bấy giờ, cửa luận mới bắt đầu mở, Sư học có lắm đường, bút giữ cựu chương, ít có thể hồi giác. Sư nghe rộng nhiều mũi ngọn, xét nghiệm về sự bén nhọn ấy. Các xứ Tần, Tề, Triệu, Ngụy v.v... không nơi nào Sư chẳng rảo khắp. Suốt thời gian năm năm, Sư chuyên nghiên xét tinh lý. Còn như các Kinh luận Thành Thật, Tỳ-đàm, Hoa Nghiêm, Đại luận. Sư đều rộng khảo xét sự đồng khác, đều lấy làm khuôn phép. Cuối cùng, Sư trở lên Kinh đô, bùi ngùi với mọi sự đổi khác, nên tùy giảng mà soạn ra sớ giải, chỉ bày cho quần mê. Dưới thời nhà Tùy, có Tề Vương giản mời nhóm những bậc tài giỏi đương thời,

thạnh hành diễn giảng giải kinh. Sư lên dự Pháp tòa bày giải chí lý, từ nghĩa rộng xa, ít người đạt thấu, nên đều cùng nhau ngợi khen. Bèn có thành tục, đều theo quy hướng, nối nhau nương tựa tiếp thừa. Quanh năm giảng giải, Sư lấy đó làm trách nhiệm thường hằng.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, sự hiển vinh của Sư càng cao. Vua Dương Đế (Dương quảng) ban sắc mời Sư vào trụ chùa Đại Thiên Định, liên tục giảng pháp, tế độ rất nhiều. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường mới hưng phát, xa gần đều thanh bình an ổn. Mọi người ở bốn phương xa đều tìm đến đông gấp bội lúc trước. Thường ở những nơi pháp tịch Sư truyền đăng cất nhắc chẳng phải một, với Công việc phiên dịch chứng nghĩa kinh điển trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627...) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) thỉnh Sư thường trông coi nhiệm vụ phiên dịch. Sau đó, xây dựng chùa Phổ Quang rộng thoáng đẹp đẽ, lại thỉnh Sư trụ ở đó. Y phục cung cấp bốn mùa tùy thay đổi. Vua lại ban sắc mời Sư truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Trữ, rất mực kính lễ, chúng đều có tâm kính tin.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư lại vâng sắc vua vào cung, làm Giới sư truyền giới cho Hoàng Hậu. Nhân đó, vua lại ban sắc bổ nhậm Sư kiêm giữ chức Thượng tòa trông coi chùa Không Quán. Sư võ về tiếp khách cũ, khéo biết vật tâm, mở mang pháp hóa, luôn trấn giữ chẳng ngừng nghỉ. Trước sau, thỉnh chúng tham dự có đến mấy ngàn vị, từ Đông phiên, Tây Bì khó có thể ghi chép hết được, đến lúc sở học đã thành đạt, trở về nước đều làm các bậc Pháp tượng, truyền thông chánh giáo, mãi đến ngày nay, càng thêm hưng thịnh. Có Vương tử nước Tân-la tức Kim Từ Tạng, bỗng nhiên xem thường ngôi vị sang quý, bỏ tục xuất gia. Xa nghe Đạo phong của Sư mà chí thành kính ngưỡng, muốn được trông thấy và nghe lời dạy, bèn gá nủi thuyền biển từ xa tìm đến kinh đô. Lúc đang ở trong thuyền mộng thấy được tôn nhan của Sư, đến lúc thật sự trông thấy thì hình dáng Sư thì rõ ràng giống như trong mộng, ông buồn bã rơi lệ, mừng cùng hội ngộ. Nhân đó theo Sư cầu xin thọ giới Bồ-tát, rất mực kính lễ phụng thờ.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, có vị tăng phạm lỗi. Vua Dương Đế ban sắc trách khắp các chùa ở Kinh Đô. Các vị Đại Đức lãnh đạo nhân đó nhóm họp tại cửa Huyền Võ. Vua mời Sư lên Điện Luận xét về vị Tăng phạm lỗi. Sư nói: “Chư Tăng v.v... mang đội ân tuệ được dự Pháp Môn mà chẳng tự thân kính phụng Giáo cương, đến nỗi có việc vua nghe, trời biết, đều là do Pháp Thường, v.v... chúng tôi thiếu sót việc dạy răn. Xấu hổ thật khó tỏ bày!”. Sư bèn

dẫn nêu yếu chỉ phó chúc trong kinh Niết-bàn, Vua liền chấp thuận. Và nhân đó Vua cũng rộng tha thứ cho hơn trăm người hiện bị tù ngục. Lại mời thiết cúng, thọ thực xong bèn trở về. Đến lúc Lý Đạo ở trước, chẳng hơn ngôi vị ấy, Sư bèn dẫn Tăng chúng đón giá, tùy vôi dâng Biểu tấu trình. Đã không được toại ý lại bị nhiễm các bệnh khác, nên Sư không đau đớn, nằm nghiêng hông bên phải mà thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi sáu tháng sáu niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường. Qua ngày mồng hai tháng bảy, rước đến an táng tại gò Cao Dương ở Nam Giao. Bấy giờ, gặp lúc nắng hạn lâu ngày, bụi đất bay mù trời. Trước ngày động quan, đêm đó trời có cơn mưa nhỏ, tới sáng sớm, trời đất đều trong sáng, mây móc bốn phía đều tan hết, không một mảy trần, đường xá không bưng che. Tăng chúng ở các chùa tại Kinh đô và Môn nhân đệ tử của Sư.v... mỗi nơi đều thiết lập cờ dài, có hơn ba mươi chiếc xe, oai nghi trước sau kéo dài hơn bốn mươi dặm. Các hàng tín tâm sĩ nữ cầm nắm phướn trắng tung rải hoa xếp hầu hai bên đông đảo cả mấy muôn người. Khanh tướng giúp lễ cùng theo đều lấy làm vinh hạnh.

Mới đầu, Sư tu về nghĩa môn, khéo tôn sùng hạnh giải, nên chúng đều suy tôn. Sư khéo kết quy Nhiếp Luận mà chí hướng kính chuộng Kinh Niết-bàn. Sư thường muốn giảng nhưng chưa mừng ngộ, bèn y theo sự cầu thỉnh của đại chúng mà chuyên giảng Nhiếp luận. Luyện hợp Lý vị, tinh suốt trong cõi lòng. Đúng thời Sư đến giảng, toàn không đọc tụng, vừa mới có lúc rảnh thừa, liền theo khóa nghiệp hành Đạo, mỗi ngày sáu thời tự cố gắng siêng năng, không mảy may trái thiếu. Có vị Đại Thần vương mặc áo mào đều màu trắng dẫn theo người hầu thường tùy vây nhiều ở chung quanh Sư. Kẻ Tăng người tục thời bấy giờ đều trông thấy, thâm đề cao Sư. Lại nữa, có lần vào lúc nửa đêm, Sư vào Phật đường, nhạc trời nơi bức tranh vẽ trên vách tường đồng một lúc dậy múa. Sau đó, cũng vào giữa đêm và ở trong Phật đường, Bồ-tát Quán Thế Âm từ ngoài đi vào cửa trên, trụ giữa hư không, thân tướng đẹp đẽ, mang chuỗi Anh lạc phát ra ánh sáng ít có, hồi lâu mới tắt mất. Sau đó năm năm, trời sắp muốn nắng hạn. Sư lại ứng cảm trông thấy Bồ-tát Phổ Hiền từ phương Đông đến cách mặt đất chừng năm, sáu trượng. Sự tinh chuyên của Sư được chứng nghiệm cảm ứng là như thế, cho nên Sư lập chí thanh tịnh cao vời, càng lâu càng cao hơn. Các Pháp lợi có được, phần nhiều Sư dùng để tu tạo kinh tượng. Chỉ chuyên ở nét kỳ diệu không nói đến giá cả. Mỗi năm Sư kiến lập Đàn hội đến tận Kinh đô. Với hai thứ ruộng Bi và Kính, Sư không ngần ngại cúng

dường. Còn chính tự bản thân Sư ăn mặc thô xấu mà thôi. Mỗi lúc giảng dạy, có người cúng dường riêng, Sư không nhận lấy một vật, tất cả đều nhập vào trong chũng tăng. Sư bền bỉ gìn giữ tiết tháo không sửa đổi. Sư có soạn Nhiếp Luận Nghĩa số, tám quyển, Nghĩa Chương năm quyển. Các Kinh Niết-bàn, Duy-ma, Thắng-man v.v... mỗi kinh đều có sơ ký, lưu hành rộng ở đời, đệ tử của Sư như sa-môn Đức Tốn, v.v... dựng lập văn bia thờ Sư tại chùa Phổ Quang. Tông Chánh Khanh Lý Bách Dực soạn thuật văn bia.

### **7- Truyện ngài Thích Trí Huy trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu:**

Thích Trí Huy, họ Tiêu, người ở xứ Cao Bình thuộc Trạch Châu. Năm mười ba tuổi, chí ý Sư ưa thích xuất gia, không mong cầu các hệ lụy ở đời, Sư đến trụ chùa Thanh Hóa trong bốn châu, nương tựa Pháp Sư Tùy Viễn nghe giảng các kinh luận. Đối với Kinh Đại Niết-bàn, Sư riêng thấu suốt sâu cùng, nên trong độ tuổi học hành, Sư là người tuấn tú tài giỏi trong các Sa-di. Sư lập tánh siêng năng, cung kính, ưa thích làm việc chũng tăng. Mỗi lúc có làm lụng các việc, Sư chẳng sợ thân khổ. Ban ngày, Sư làm việc giúp đỡ chũng tăng, đêm về đọc học chương số, áo không mở dải, nghiên tinh chẳng biếng lười. Sau khi thọ giới cụ túc, Thần khí tư tưởng Sư cao chánh, giới hạnh sáng sạch, nhưng bình dị kiệm ước. Mọi người trông thấy đều kính trọng, kính mến Sư hoàng Đạo. Hằng năm Sư thường giảng các kinh luận như Niết-bàn, Thập Địa, Địa Trì, Duy-ma, Thắng-man, v.v... dùng làm sự nghiệp thường xuyên. Nên tiếng tăm Sư vang vọng cùng khắp. Xa gần mọi người tìm theo Đạo phong, mang lương thực tìm đến chẳng phải một.

Khi vua Dương Đế (Dương Quảng) trị vì đất nước, sự trân trọng tôn kính Sư càng lớn. Niêm hiệu Đại nghiệp thứ bảy (611) đời Tùy, vua ban sắc thỉnh Sư vào nội đạo tràng ở Đông Đô. Lễ khác bình thường, mỗi ngày dâng cúng càng nhiều. Mà Sư vốn lập tiết tháo từ xưa, không hề nhận lấy một vật, chất chứa đầy bao, chẳng gá rương dầy. Tánh Sư vượt hẳn tự nhiên, chẳng vọng thiên vị, chỉ chuyên giảng tụng, dẫn dắt làm đầu. Mới đầu Lạc thành của Ngụy Trịnh thường luôn đóng bít. Sư vì giặc dã nên lúc đầu chưa có nhân khai ngộ, bèn chống tích tượng ra khỏi thành, muốn cứu giúp cho Quê Hương. Bấy giờ, Quân lính canh phòng nghiêm mật, đường sá tắt nghẽn khó thông, mà Sư an ổn đi qua biên giới của đất nước, người đang gìn giữ chẳng hay biết. Đó hẳn là do thiên thần tiễn đưa! Khi Sư đã về tới Cao Bình, Kẻ tăng người tục đều

mừng vui tìm tới. Gặp lúc thời thế liên tiếp khó khăn, đói kém tương tục, Sư bèn đưa lấy lương thực giúp cứu thật nhiều, kẻ tặng người tục nhờ đó mà đều được thọ hưởng Pháp vị. Tiệm đó, Sư giảng dạy quanh năm, thường lên pháp tòa. Đàn Việt ngoại thí y phục gấm lụa, Sư đều cung cấp cho giảng chúng. Có lần gặp năm khó khăn, gạo thóc vật thực thiếu thốn, khách lạ bỗng nhiên tìm đến rất đông, gấp bội lúc trước. Sư vì thính chúng bất an nên xây dựng Viện riêng. Học sĩ ở bốn phương đồng đến rất nhiều trong đó. Tài thí, pháp thí thường thí xả. Hoài Châu Đô Đốc Vân Quốc Công Trương Lượng kính trọng đức hạnh giáo hóa của Sư, xa đến thỉnh Sư giảng dạy. Kẻ tặng người tục đều cùng nhóm họp. Lại Kết ở Hà Dương, bèn thỉnh Sư làm giới sư truyền giới Bồ-tát. Do tôn kính đạo phong của Sư nêu phát thệ kết làm bạn lành. Trong mùa Hạ, Sư giảng kinh Niết-bàn. Khi giải hạ xong, Sư cảm thấy có phần không được khỏe, tặng chúng đều lấy làm lạ. Sư trở về phòng tĩnh niệm, chỉ khoảnh khắc liền thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiên Đường, kẻ tặng người tục ở Hoài Châu đều buồn thương như người thân, bèn rước về an táng tại quê nhà.

Từ lúc Sư mới đến trụ pháp tịch của Pháp Sư Tùy Viễn, đã kính Pháp trọng người, thật hiếu bậc nhất. Mỗi lúc Sư lên pháp tịch giảng giải phân tích chỗ sâu kín thường nói: “Ý của Đại Pháp Sư như thế!” Khi nói như vậy lệ đều tuôn rơi. Sư thường nói với các đồ chúng rằng: “Cha mẹ sinh ra nhục thân tôi, Pháp sư sinh ra Pháp Thân tôi, nghĩ muốn báo đáp ân ấy, không làm sao được. Chỉ có mở mang chánh pháp, làm lợi ích chúng sinh, rộng mở hoài bão!” Do đó, hằng năm, Sư thường giảng, không dám nói mệt nhọc, chỉ vì lý do đó. Lại vì, Sư tự xét hạnh nghiệp của mình, mỗi ngày không thiếu sáu thời. Tay bưng lò hương, tính số thừa lễ. Đêm về, chẳng cỡi y phục, trọn đời Sư thường như thế. Sư vốn trong sạch, ít ham muốn, chẳng thích giao du. Ngoài việc giảng dạy mở mang thì Sư chuyên lo công việc của chúng Tăng. Nên mọi người lớn nhỏ ở Trạch Châu đều ngợi khen kính ngưỡng mãi đến ngày nay.

#### ***8- Truyện ngài Thích Huyền Giám trụ chùa Thanh Hóa ở Trạch Châu:***

Thích Huyền Giám, họ Tiêu, người ở xứ Cao Bình thuộc Trạch Châu. Sư tánh tình nhân từ, chí khí ưa thích thanh khiết. Với các thứ rượu thịt, thức ăn tanh nồng, tự nhiên Sư xa lánh.

Năm mươi chín tuổi, Sư phát tâm đầu thành dòng họ Thích, ưa



mến tùng lâm, suốt ngày ở trong đó, quên cả ăn uống. Sau, Sư trụ chùa Thanh Hóa, nương tựa Pháp Sư Tuệ Viễn, nghe giảng tham cứu Kinh luận. Với Kinh Đại Niết-bàn, Sư rất thấu đạt chỉ thú. Vào cuối đời Tùy, giặc dã giao loạn, chùa Phật, tăng phòng đều bị thiêu đốt, chúng tăng phân tán, phải ở trong hang động. Sư giữ gìn giới cấm, không hề trái phạm, chỉ ăn rau trái, mặc vải gai, trải qua nhiều năm tháng, là tâm vẫn không buồn rầu. Đến lúc lúa thóc được mùa, Sư trở về quê hương, nhóm họp các hàng tăng tục, lập cao pháp tịch, khuyến hóa những người có tín tâm và nhận biết, cùng xây dựng lại các ngôi Già-lam cổ. Cũng như các tháp miếu cũ Sư đều bảo sơn quét lại, khiến khắp trong địa vực đều trang nghiêm sáng rõ, những người phát tín tâm quy hướng trong mười nhà có hết chín nhà.

Bản tánh Sư vốn thuần trực, nói làm đều cao, thực hành sửa trị các cách ăn uống phi pháp, không đâu Sư chẳng tận mặt quả trách, lời lẽ rất trạng, chẳng tránh cưỡng chế. Nếu có người Sư chỉ bảo mà không nghe nhận, thì Sư liền đập phá đồ đựng rượu. Chẳng cần trả tổn phí ấy. Nên các hàng tăng sĩ nhóm họp uống ăn, nghe Sư đến thì đều giải tán bỏ chạy. Do đó cả bảy chúng đều tôn trọng, kính sợ sự nghiêm khắc và quý trọng sự trong trắng của Sư. Có một vài lần, trong lúc sửa chữa xây dựng, có rất đông thợ, có người nhà giàu đem tặng rượu và thức ăn. Sư bảo: “Việc làm ngày nay của tôi phải cho đúng Pháp, có thể chẳng làm, chứ cấm không được uống rượu.” Liền đình chỉ việc đó. Lúc chùa Thanh Hóa sửa sang điện Phật, dân chúng khắp vùng đồng cúng dường xây dựng cao. Trường Tôn Nghĩa là Quan trưởng ở Trạch Châu, vốn rất kính tin, nghe nói công việc thầy thợ làm rất đông, bèn cho chở đưa hai thùng rượu đến tặng thưởng. Khi đó, Sư đang xem xét công việc xây dựng, thấy có việc ấy, liền đập phá đồ đựng rượu đổ vãi ra đất, và bảo rằng: “Công Đức của tôi có thể chẳng thành, nhưng không bao giờ dùng vật phi pháp này”. Trường Tôn Nghĩa nghe thế bèn tức giận ùng ùng. Muốn sáng hôm sau sẽ nã hại đến Sư, đêm đó bỗng nhiên mộng thấy có người mang đạo đến chỗ mình, Trường Tôn nghĩa thốt nhiên kính ngộ, liền từ việc ấy mà quy hướng sám hối.

Lại gặp lúc mắc chứng bệnh dịch khí, người chết rất nhiều, nên mọi người đều quy hướng tâm thành cầu xin mạng sống. Sư sám hối thế cho họ, chỉ dứt bỏ rượu thịt, người bệnh được thuyên giảm trở lại. Mọi người đương thời rất kính trọng Sư! Có Lý Thiên vốn người trong thôn ấp, tánh ưa thích uống rượu, khi đã bị bệnh dịch khí, không do đâu mà cứu chữa, bèn sám hối lỗi ưa thích rượu, dùng cái chết mà lường xét,



không bao lâu Sư đến, chẳng sao liền đi, Lý Thiên được hết bệnh. Từ đó nhàm chán, xa lìa việc uống rượu, không thể nào dùng lời nói. Giả sử chợt nghe mùi rượu, như gặp phải chất độc. Lý Thiên nói với bè bạn rằng: “Từ khi thấy được Giám Sư về sau, nói bàn đến rượu còn không thích nghe huống gì là nhìn thấy.” Nên giới tiết nơi Sư có thâm cảm ứng đều như vậy. Mãi đến nay thần chí Sư vẫn trong sáng. Sư thường giảng các Kinh Niết-bàn, Thập Địa, Duy-m, quanh năm chẳng ngừng nghỉ. Sư thọ tám mươi ba tuổi.

Mới đầu, Sư lấy việc truyền pháp làm mục đích, các Quan chức tư sở lo buồn, nếu chúng tăng có người trái oai nghi, Sư liền tra xét và đuổi đi. Người đương thời đều ngợi khen Sư ngay thẳng.

Niên hiệu Võ Đức thứ sáu (628) thời Tiền Đường, có Lý Lục Sự người ở huyện Hoạch Trạch, thuộc Đường Châu, chết đã bảy ngày bỗng nhiên ẩn thân về nói với người vợ rằng: “tôi là Lý Lục Sự, tính ra tôi còn sống ở đời được sáu năm, chỉ vì Ty mạng cố tình đến bắt lấy ta, nên sự sống bị vùi lấp trong gò mả. Tôi đã cáo mách cùng Diêm Vương, mong được phóng thả trở lại loài người, nổi trôi sáu năm. Nay đọa vào loài quỷ, mọi việc chưa xảy ra thấy đều biết trước. Ở nhà nàng hiện đang nghèo khó, chỉ cần đoán bói cho người khác không gì chẳng trúng. Nhờ đó có thể được tài của lấy làm lợi lớn.” Tiện đó, người vợ xem bói được Quỷ giải thích điều thắc mắc. Mọi người từ phương xa đều tìm đến, và đều gọi đó là “Đại Thánh”. Sau đó, Lý Lục Sự lại bảo với vợ rằng: “Mạng người vô thường, sao chẳng lo tu Phước? “Hãy đến chỗ chỗ Pháp Sư Huyền Giám để nghe giảng pháp.” Bèn dẫn vợ vào giảng đường, tự đứng yên nơi góc vách tường, lấy vật che lại, cùng nói bàn với mọi người, ứng biến nhanh chóng. Mới trải qua chừng một tháng, có người hỏi rằng: “Sao ông chẳng hiện hình?” Lý Lục Sự đáp: “Nay hiện ở trong loài quỷ, thọ Thân rất xấu xí, tự tôi còn chẳng can đảm nhìn mình huống gì người khác!” Lại đến chùa Cảnh Nghiệp, nghe giảng kinh Duy-ma. Có Pháp sư Dư hỏi rằng: Nay giảng kinh này, chiêu cảm hạng người nào đến nghe?” Đáp rằng: “Từ đầu người trở lên, là quỷ thần, lên đến các tầng trời, nhiều tầng cấp khắp đầy, nhưng đều giảng nói văn, các thiên thần v.v... đều kiểm thúc nghi dung mà thôi, sợ tiếng ấy dứt bật. Pháp sư giải thích đều tán loạn, buông lung vô tâm nghe nhận, xin đúng như Pháp mà giảng nói, chớ vọng uống ăn! Vì sao biết được như thế? Vì hiện thấy các thiên thần, v.v... nghe hơi rượu nơi Pháp sư nên đều xoay mặt mà nghe.” Nhân đó, Pháp sư Dư liền sấm hỏi lỗi lầm, khiến cho bỏ việc uống rượu. Quỷ nói: “ Ở đây chắc chắn phải

quyết đoán Thiên thần chẳng chấp thuận, thà không giảng!” Chẳng chỉ một hội này riêng cảm các trời. Nhưng có Pháp sư thì không đâu chẳng đến. Sư nghe ở chùa khác có lời mách bảo như thế, càng kính vâng gấp bội, chăm chăm khác thường.

**9- Truyện ngài Thích Huyền Hội trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh Đô:**

Thích Huyền Hội tự là Hoài Mặc, họ Tịch. Tổ tiên Sư vốn người xứ An Định thuộc U Thổ. Vị Tổ xa xưa vốn làm Quan, nên đời đến ở Bí Pha, thuộc Phiên Xuyên, Kinh Triệu.

Năm mười hai tuổi, Sư tinh tấn siêng năng khác thường, chí khí ưa thích muốn bỏ thế tục, mà thân tướng Sư khôi ngô chẳng khác thần đồng. Có Hán Vương Lượng đời Tùy thấy Sư bèn lấy làm lạ, liền tấu trình xin ban độ cho xuất gia. Sư đến trụ chùa Hải Giác, làm đệ tử Pháp Sư Tổng. Sau khi xuống tóc, Sư liền tham dự các trường giảng, chuyên chí học Kinh Niết-bàn. Pháp sư Tổng rất biết sự tỏ ngộ của Sư, bèn đề cử Sư đáp thuật. Do đó bèn tiết được bó buộc đến cùng, mọi âu lo từ trước đến nay thấy đều được giải quyết. Sư giải thích thông rành rõ ràng có thể thấy, nên mọi người đương thời vô cùng khen ngợi tán thưởng, cho rằng Sư là con cháu nối dõi của Tông Niết-bàn. Nhân đó, Sư sửa đổi cựu chương xưa trước, sửa mới mở nhà cửa, có công phu đục thủng, rất khó đáp kháng. Sư soạn Niết-bàn Nghĩa Chương, bốn quyển. Nghĩa nguyên Văn Bản, thì Văn Thích sao bộ mỗi thứ bốn quyển, tự kéo xa sau khi đến gần. Tác giả nói theo lời trước, chỉ một mình Sư là người đứng riêng một mình.

Đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường. Học quán được mở rộng, có Sa-môn Đàm Hiến là bậc khai đạo nổi tiếng cả nước, xây dựng chùa Từ Bi, tấu trình thỉnh Sư làm chủ chùa. Bắt đầu Sư đổi mới, pháp sự liên tục, Sư dẫn dắt hàng Hậu Côn, giảng dạy bộ ấy gần bốn mươi biến. Các Đồng bạn, đồng nghiệp với Sư ở đương thời cùng suy tôn Sư đứng đầu, nhưng Sư từ chối, lấy thành để trị, lấy nhả làm Học tông, tánh kính mến Nhân Pháp, chẳng xâm phạm tôn nghiêm, nhưng có Pháp tòa thì đều thông hỏi nghe. Nếu trước đã nghe mà có tâm khao khát thì rất được kính trọng, thật là bậc Long tượng trong thời mạt pháp vì ít gặp! Pháp sư Tổng nói rằng: “tôi chẳng phải bậc Thánh, thì ông này đâu được sinh vào nhà tôi! Pháp sư Tướng nói rằng: “Trong Kinh nói” Năm trăm năm sau, có người có đủ phước trí”, có phải là người này chẳng? Đại tướng của Pháp há chẳng phải như thế chẳng?” Pháp

Sư Nhạc nói rằng: “Ông này đến tôi học Luận Câu-xá, Đồng Sự Nhiếp, nguyện sánh như Diệu Trang Nghiêm ở đời gặp được Thiện tri thức!” Pháp sư Chấn nói rằng: “Ông này đến tôi học Luận Ca-diên, rất tán thành cái học của tôi. Vì tôi Đạo thuật nhỏ hẹp, mà chẳng thẹn hạ mình thưa hỏi, mới xoay Long Tượng về chỗ khởi qua. Tôi làm sao nói ư?”

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại ban sắc thỉnh Sư trụ chùa Hoàng Phước. Mọi việc giảng pháp, Sư đều phế bỏ, chỉ chuyên tu định nghiệp, mộng thấy được bước lên tay Phật hiệu là Vô lượng thọ. Sư bèn tu tạo một pho tượng Phật A-di-đà, thường giữ gìn tâm, thực hành quán đồng thân. Sư muốn vào chốn núi rừng, chúng tăng trong chùa, khuyên thỉnh Sư ở lại, cầu xin Sư giảng kinh Niết-bàn. Sư giảng đến phần “Đằng Xà Dụ” (thí dụ về sợi dây và con rắn) bỗng nhiên có một con rắn lạ từ trên bò xuống đưa mắt nhìn khắp bốn phía, sau đó biến mất. Sư giảng đến phần “Tránh luận” thường việc ma. Nhân đó, Sư bị bệnh bèn trở về chùa Từ Bi, thấy Đức Phật đến đón rước, liền đó Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi. Lúc đó là ngày hai mươi bảy tháng năm niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường.

Khắp cả thôn ấp, mọi người nghe biết tin ấy đều buồn bã, cùng nhau đến viếng, Bèn an táng tại gò Cao Dương. Về sau lại thấu nhật di cốt còn lại của Sư, thỉnh đến nơi góc Tây Nam của Thành cũ mà xây tháp gạch cúng dường.

Từ lúc Sư hoằng Đạo, tánh tình Sư luôn ôn hòa nhu nhuyễn, tâm thường mở rộng. Mọi người ở khắp xa gần đến ngụ chẳng phải một người, mà Sư hay khởi tâm giúp đỡ, chỉ lấy chánh pháp làm việc chính. Về sau, Sư lại thường ngồi cho đến trọn đời.

#### ***10- Truyện ngài Thích Hạnh Đăng trụ chùa Từ Bi ở Kinh Đô:***

Thích Hạnh Đăng, họ Cát, người ở xứ Phùng Dực. Năm mươi hai tuổi, Sư xuất gia, cùng Sa-môn Huyền Hội đồng kính thờ pháp sư Tổng, xin làm đệ Tử. Sư mặc vải thô xấu, lập tánh cao vời. Sư đến chùa Tịnh Ảnh nghe ngài Tuệ Viễn giảng Kinh Niết-bàn. Sư kính đọc văn nghĩa, bấy giờ cho là vinh quang, Sư theo Tuệ Viễn giảng dạy đến mười biển, giữa đường gặp phải sự trở ngại nguy nan, Sư đều dự biết trước. Hoặc nghe có mùi thơm lạ, hoặc cảm mộng kỳ quái như cờ gãy lọng nghiêng bay, Sư lấy làm nêu mốc chứng cứ, liền bảo đại chúng đồng tụng niệm Bát-nhã nơi có việc ma, không thứ gì chẳng lui tan. Nên những lúc sau khi giảng, Sư thường lễ Phật, tụng Kinh Hoa Nghiêm, lấy đó làm gốc

để tiêu trừ chướng ngại.

Sư lại cùng Sa-môn Huyền Hội đồng ở chùa Từ Bi. Những lúc Hoàng Pháp, thì Sư lên trước, còn ngài Huyền Hội lên sau. Bấy giờ, mọi người cho đó là Đạo tương thành. Nên thường những khi giảng cảm có con gà đến nằm nghe. Người theo thọ giới sau khi chết được sống lại, được quan Minh tào thả, nói rằng hoằng truyền các giáo pháp ấy. Đó cũng làm kinh động các cõi u hiển, chẳng lời nào nói cho hết được.

Đến ngày mồng sáu tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường. Vì bị bệnh nên Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Trước lúc tịch nhiều ngày, Sư bảo: “Lời hộ trì giới tôi đâu dám nói, chỉ ít muốn biết đủ lấy làm tự răn. Sau khi tôi qua đời, chớ bày biện lễ nghi linh đình, chỉ dùng cây rui làm kiệu khiêng tôi đến núi. Cầu nguyện những loài nào ăn thịt thân tôi thì sớm thành Chánh Giác, nếu ai trái với nguyện này thì chẳng phải Môn nhân Đệ tử tôi!” Các Đệ tử của ngài bày biện cờ kiệu, thiết lập lễ nghi lớn lao, sắp tiến đưa thì đêm ấy các sao sáng rõ rồi lại đổ mưa lớn, kẻ tăng người tục đều khiêng nhưng không thể đi được. Bèn phải vâng theo Di Quyết, dùng kiệu đơn khiêng tới núi, mưa đều tạnh dứt, về sau, thấu nhật di cốt về an táng tại đồng bằng Thần Hòa, xây tháp thờ, trồng thông, lập bài Minh ở chỗ tháp.

#### ***11- Truyện ngài Thích Chí Khoan trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu:***

Thích Chí Khoan, họ Diêu, người ở xứ Hà Đông thuộc Bồ Châu. Tổ tiên Sư vốn thuộc Quan tộc, chẳng kết giao với hàng tiểu nhân. Cha của Sư tên Nhậm làm Thứ Sử Thanh Châu đời Tùy. Ngài từ thuở nhỏ, mãi đến khi lớn, vốn thanh khiết, mọi người đều biết tên. Sư nghe giảng qua các kinh, nhưng chỉ lấy Kinh Niết-bàn và Địa Luận làm tâm yếu. Sư rảo khắp đông tây thưa hỏi Đạo, không để luống qua tấc bóng. Khi Đạo nghiệp đã thành, Sư chuyên đi giảng dạy. Bình sinh Sư luôn giữ chữ tín, nói làm không trái nhau. Nhìn Sư dường như chuyên chánh mà Sư có hoài bão rộng rang. Lúc đi học ở Trường An, Sư từng vào chợ mua lụa, có người bảo: “Hãy giao tiền trước, ngày mai sẽ đưa lụa đến.” Khi đó, Sư giao tiền. Về tới chùa, bị chửi tăng cười. Sư nói: “Tự nhớ không mắc nợ người, thì người đâu trái với chữ tín?” Đến thời quả nhiên được, Sư đem việc ấy tỏ bày, người ấy nói: “Bị giặc ăn có thể chết mất, còn chữ tín không thể phá huỷ! Đệ tử là người thế tục vẫn phải giữ việc đó, đâu có ý đối với Thích môn mà bỏ buộc toan lo ấy”.

Sư thường tụng Kinh Duy-ma và giới bốn. Tại phòng Sư ở, mỗi

đêm thường có tiếng vang chấn động giới trụ. Có người lên nhìn xem thì thấy vị thần khác thường đi nhiều quanh phòng Sư. Lại có lúc, trong đêm trên phòng lầu gác có tiếng đánh vật. Bạn đồng học của Sư là Sa-môn Bảo Thông, nghe mà kinh hãi mê màng chẳng được an tại chỗ của mình. Sư bèn đến an ủi, nhưng tiếng đánh vật vẫn như cũ. Tối sáng hôm sau, lên xem thì thấy chỗ trường nhà sắp muốn gãy đổ, liền bảo lấy vật chống đỡ để khỏi nguy hại đến tính mạng. Sư được các vị u linh bảo hộ gìn giữ đến thế.

Tính Sư rất ưa thích thăm người bệnh tật, không ngại xa gần. Còn như kẻ tăng người tục biết không người chữa trị đều khiêng đến trong phòng, tự thân vận chuyển lo lắng cứu chữa. Hoặc có người mắc bệnh ung nhọt trong bụng không thể ra mủ, Sư bèn dùng miệng mút thì liền giảm lành, thường luôn như thế chẳng phải một. Nỗi lòng từ tuệ của Sư, tin chắc khó có người nối tiếp được! Về sau, vào lúc nửa đêm, nơi phòng của Sư phát ra ánh sáng, nhìn bên ngoài như ban ngày không khác, Sư tự khâu may vá áo, không cho là ánh sáng thần soi chiếu, sau khi gọi các đồ chúng, mới biết vào nửa đêm tướng đó thường hiện. Và từ đó không lấy làm lạ. Sư lại lấy việc chuyên dẫn dắt cứu giúp làm sự nghiệp, nên kẻ tăng người tục đều mừng vui được gặp gỡ!

Gặp lúc vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tuỳ mở mang Đạo pháp, sừ tìm khắp trong nước, vì Sư là bậc hạnh giải gồm đủ, đã trụ chùa Tuệ Nhật, giảng ngộ nối nhau, lại gặp phải kiêu cảm làm nghịch. Các trai sự đều thúc ép bỏ buộc, Sư bèn bị giam vào ngục chờ xử tội. Có người đem thức ăn đến thăm nuôi, Sư chẳng dùng một mình mà ban cấp cho chư tăng cùng bị tù, và Sư vẫn vui vẻ nói cười như xưa. Sau đều bị đày đến làm việc nặng nhọc ở Thiên lộ, thường bị sai bảo, khiêng đất sửa sang đầy các sọt tre. Sư dốc hết sức lực kéo đưa, từ đầu không biếng nhác ngừng nghỉ. Có vị tăng cùng làm việc nói: “Ở đây không người kiểm soát, nên hãy dừng nghỉ một lát”. Sư bảo: “Nghệp báo như thế này, đâu thể tự xem thường, trái nghịch với tâm mà làm việc thật chưa an”. Sau đó không lâu thì bị đày đến Tây Thục. Trên đường đi vừa đến Thiểm Châu, có người đưa biếu tặng của cải, vải lụa, tiền bạc, Sư liền ban trả không để lại, chỉ giữ lấy một con lừa để chở kinh sách mà thôi. Tiếp đến trên đường đến Đồng Quan, có vị tăng cùng bị lưu đày là Sa-môn Bảo Xiêm, là bậc thạch đức tuệ giải cao vời, chân bị đau, không thể đi được, Sư thấy Ngài nằm bên vệ đường thì khóc mà buồn thương. Sư bèn tặng con lừa cho Ngài Bảo Xiêm cưỡi, còn tự mình mang vác kinh luận. Đi bộ đến đất Thục tuy có bị nhọc mệt nhưng miệng Sư

không hề nói đến mệt mỏi. Tánh Sư nhân hậu tha thứ, có khổ mới biết được người.

Khi đã đến đất Thục, Sư khai phát vật tình, ở chỗ lợi an đều bày sự kính duyệt. Bấy giờ gặp nạn Hổ hoành hành khắp xuyên ấp, người đi đường bị cắt đứt đường đi. Hổ nhóm họp thành đàn khoảng mấy trăm con, rảo cùng thôn xóm thành quách, làm tổn hại đến người, vật. Trong đàn có con Hổ đầu đàn, đầu nó rất lớn, có đủ năm râu, uy phục các con thú khác. Toại Châu Đô Đốc Trương Tốn Xa nghe Đức từ của Sư, bèn sai người sang đón rước. Sư bèn bảo khắp châu huyện lập trai đàn hành đạo, mỗi người đều nên thọ tám giới. Đêm đó, nạn hổ tự nhiên tiêu tán, không biết chúng đi đâu. Bấy giờ mọi người đều kính cảm, bèn kính thờ Sư như Thần Thánh. Nhưng Sư nhân danh lập hạnh, có nghi dáng rộng khắp. Hễ chỗ nào Sư hoàng tuyên khai hoá thì như gió thoảng không đâu chẳng có. Mỗi khi trường giảng bãi tan thì lễ vật đều nhiều như cũ, hoặc đến mười vạn, hai mươi vạn, Sư đều ban trả hết ở ngay Pháp toà, không cất chứa cho riêng mình. Sư bảo với người cúng thí rằng: “Của cải cũng giống như hạt giống, nếu chứa để thì khó được nhiều, nên ban trả cho mọi người, để theo chỗ dùng mà tồn tại”. Tâm Sư rộng rang ứng vật là như thế! Sư lại xem thường sự sống của mình, chỉ ăn mặc thô xấu tầm thường. Một khi dép giày đã dính vào thân thì phải trải qua nhiều năm, Ngài quý giữ đó còn hơn cả thân thịt. Bấy giờ, gặp năm đói kém Sư nấu cháo rồi tự thân mình đem ban cho những người đói ăn. Sư ngâm khóc giảng dạy khai hoá, khuyên bảo họ cùng niệm danh hiệu Phật. Sư lại đem y phục của mình mặc đến cho họ từng mảnh, hoặc cắt hoặc giảm, để cho người thiếu thốn. Mỗi năm đến đầu mùa đông, Sư dự trữ đệm lót ngồi thay thế giày, xem xét các vị sa môn thiếu thốn thì cung cấp cho. Sư lấy đó làm công việc bình thường.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư về lại Bồ Châu, các hàng tăng tục thấy đều mừng vui, hoan nghinh ca vịnh nhóm họp rất đông. Thường kiến lập Pháp Diên, lại mở mang lợi ích. Bấy giờ, khắp châu huyện gặp phải hạn hán, cầu nguyện mọi cách đều không toại nguyện. Quan dân vốn tiếp thừa gia tích, bèn đồng thỉnh Sư, Sư về thiết đặt đàn tràng, đem thân mình để tự phát nguyện, nếu chẳng ban mưa thì không ở trong phòng thất. Sư phới mình suốt hai ngày, tự nhiên mây bủa khắp. Qua ngày thứ ba về sau, khắp nơi mưa đầy ngập, dân chúng đội ân sống lại từ năm đó. Xưa kia, khi đang ở đất Thục, Sư cũng nhờ như thế mà nổi tiếng. Khiến khắp nơi đương thời có lời xưng gọi Sư là “Một đời làm sáng ngời mặt trời Phật!”



Có Sa-môn Thần Tố nghiệp làm cùng gần gũi, rất kính trọng bạn, thị tịch trước Sư tại chùa Thê Nghiêm. Khi đó Sư đang ở tại chùa Châu, trước tuyệt hung vấn, bỗng nhiên giáng thân vui vẻ như còn sống. Đến chiều hôm sau, có người đến báo mới biết là Sa-môn Thần Tố thị tịch. Sư gửi thư an ủi rằng: “Cùng là cảnh huyệt, đều bả thân như bọt bóng. Không để ý đến tình, chẳng đáp lại ngôn tượng. Pháp sư Thần Tố có phong cách thanh cao. Đạo khí cao sâu, bao gồm nghĩa môn, nghiên cơ rất thật, chí nhân chánh từ lâu đã thành, chắc chắn vắng sinh Tịnh Độ. Phương này vận bạc, chóng mất chỗ về, tăng (tôi) già bệnh sớm ứng đi trước, tội dày phước mỏng, còn giữ dư báo! Pháp sư chẳng để lại vết cũ. Hôm qua, đêm hai mươi lăm, giáng thân đồng nhóm họp, cùng nằm chung một giường, suốt đêm nói bàn đến sáng mới từ biệt. Tình còn xưa nay, sự việc thì còn mất. Sự thật thâm cảm không thể bày thuật!” Ngài Thần Tố thị tịch ngày hai mươi bốn tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiên Đường (xem đọc ở truyện Ngài Thần Tố). Còn Sư thị tịch ngày mười sáu tháng năm năm đó (643) tại chùa Nhân Thọ, thọ bảy mươi tám tuổi.

Lúc chưa thị tịch, Sư nằm nghiêng hông bên phải, gối đầu trên cánh tay phải, bảo với môn nhân đệ tử rằng: “đường dài sinh tử, người có chờ đợi cũng đều như vậy. Các ông chỉ tự quán xét thân mình như huyệt, thì sẽ không bị ái kết ràng buộc. Mạng sống của tôi cũng dứt, chỉ nên dùng hai cây rui và một đoạn chiếu bó gọn vào rồi khiêng đi, không được theo thế tục mà lãng xảng làm những việc vô ích!” Nói xong thì Sư thị tịch. Bấy giờ, khắp các Châu Bồ, Ngô, v.v... các hàng tăng tục đua nhau kéo đến gào khóc khắp nơi, đến bên cạnh khoảng trống chừng bảy dặm đều đông chật người.

Từ khi Sư theo dòng họ Thích, chuyên lãng nhiếp thân hình, chẳng nằm nệm toàn gia, không cất giữ lụa là, với việc rường tráp đều dứt bật tâm, cử chỉ nhọc mệt, trọn đời không trải qua, miệng không đề cập đến danh lợi, tay chẳng cầm tới tiền. Nếu có người trái nghịch, Sư chỉ ngậm miệng im lặng. Không ngợi khen hay chê bai đối với người và vật. Sư từng dùng đến một ngàn năm trăm tiền để mua con lừa mang chở kinh luận. Khi đã về đến Đông Kinh, gặp được khoa vận đại quý, có người mua đến giá mấy vạn, đồng bạn muốn Sư bán, Sư không chấp thuận mà bảo rằng: “Đã nhọc mang vác, đâu lại quá số vốn vậy ư?” Bèn đem đến chợ, Sư tự bán, chỉ lấy giá gốc mà thôi. Đó tuy là việc nhỏ, mà là gốc của liêm sỉ.



### **12- Truyện Ngài Thích Tuệ Hưu Trụ Chùa Từ Nhuận ở Tường Châu:**

Thích Tuệ Hưu, họ Lạc, người xứ Doanh Châu. Gia đình Sư nhiều đời ở gần bờ biển, chuyên sống với nghề nuôi tằm và chài lưới. Mà Sư lại biết lia ác, suy nghĩ sâu xa về tội báo. Ngài thường nghĩ muốn thoát ra để cứu giúp nhưng không có duyên để cất bước. Nhiều lần Sư thở than suốt đêm đến sáng, hoặc quên cả ăn uống kéo dài đến mấy ngày. Tuy phần khí đầy cả cõi lòng mà không sao khỏi được nguy ách ấy!

Năm mười sáu tuổi, Sư gặp được một vị Sa-môn ở Tường Châu vân du hoằng hoá, bàn nói về việc tuần nhiễu của ba đời, trình bày sự giao xâm của tám khổ. Vì hợp với bổn hoài từ xưa nên Sư liền xoay lưng với tình đời, quyết lia bỏ với người thân, trái lại với tập tục, tìm đến chỗ Luật sư Húc xin xuất gia. Luật sư Húc dùng ngọn nghĩa phương để dẫn dắt, lễ vượt quá Thiên Thuộc. Lại nghe có Pháp sư Linh Dự là người nổi tiếng ở Tây Nhung, hạnh giải có chỗ kết quy, hiện ở tại Nghiệp Hạ, nên bèn bảo Sư đến theo học. Sư có thiên cơ tài giỏi, tâm chỉ ở trong đạo, bèn mang Kinh Hoa Nghiêm trên lưng, tìm đến Nghiệp Kinh. Chỉ mới một lần nghe qua Ngài Linh Dự giảng mà Sư xao động thân tâm, chẳng màng tối sáng, chỉ cầu thể tánh, nhưng chương cũ mờ mịt lộn xộn, chỉ lý chưa dung thông, xoay vần đào luyện hơn năm mươi biến. Sư nghiên cứu đọc tụng văn lý lại càng mịt mờ tăm tối. Sư thử xem sự hiểu biết hỏi khắp các Pháp sư đều lo nghĩ, xin khai mở chỗ cùng cực ấy. Sư mới tự tỏ ngộ, nên bảo rằng: “Đó hẳn là Chế lý của bậc Thánh. Với hàng hạ phàm đâu thể so lường được ư?” Vả lại, Sư nương cậy nơi các Pháp sư, thân tâm tầm gọi trong biển Pháp, Sư đến Bột Hải, theo Pháp sư Minh Ngạn, nghe giảng Luận Thành thật, trước soạn ra chương sao, Phẩm tảo Dị Đồng, tuệ mãn xung tình, hiểu luật bạn Pháp. Đến lúc Ngạn Công thị tịch, Sư lại thọ huấn các dòng khác. Sư theo Pháp sư Chí Niệm, thọ học Tiểu Luận, Ca-tạp-bà-sa, mỗi thứ nghe qua mấy lần, hiểu cùng nguồn ngọn, hiểu suốt sự cố chấp ấy. Sư hiểu giải đã trong sạch, lại thực hành tinh Nghiêm, Ngài Chí niệm nói rằng: “Tôi giảng Tiểu Thừa đã nhiều năm, nay mới được gặp ông, xin tha thứ chẳng dám kéo dài”.

Nhân đó Sư liền soạn Tạp Tâm Huyền Chương Sao Sớ, đều có phân biệt bộ loại, xuyên suốt điều quy. Văn giáo vừa xuất ra đã được dự kính trọng. Từng đáng để nguyên tể, giảng truyền nối nhau. Chỗ sâu mầu đến cùng đã nêu lên, đuốc tuệ treo sáng ngời. Nên khiến nổi tiếng đến Ký Đô, kích động âm hưởng tới Hà Vị, khiến các hàng ôm sách

cầm kinh bày vai thường ngày đến tham yết. Những người có thắc mắc nối gót nhau tới giảng đường, Sư đều về ghi vào vạt áo, mở hàng minh Phủ. Nên đối với các giáo pháp lập phá, ngài tham cứu sự uẩn thấu suốt đến sáng rõ. Tuy Phủ học bao trùm Không Tông mà còn vững tâm đối với trần cảnh, Sư muốn thông hiểu yếu chỉ của Duy Thức, nhưng không biết làm sao để đạt được sự tỏ ngộ! Gặp lúc Pháp Sư Linh Dự vào quan ải, nhân đó Sư lại dự theo, gặp được Thiền sư Đàm Thiên và Luận sư Vi v.v... đang giảng dạy mở mang Nhiếp Luận. Thường nêu một hội thì các giá khác dừng xoay. Ngôn từ nói ra đã mới, Sư nhận lãnh trội vượt, nghe qua ba thì Sư liền soạn sớ chương, thần thấu suốt sâu mâu, thủy trình bày rộng lưu bố xem đọc. Từ các Tạng giáo điển Đại tiểu thừa, Sư đều nắm lấy then chốt, chỉ có luật bộ Sư chưa được nhàn rỗi mà xem duyệt rõ ràng.

Xưa kia, Sư cho rằng giới cấm tùy việc có thể dùng duyên cầu, hễ đọc thì liền hiểu rõ, không cần nhọc đến thầy truyền trao. Sư từng mở bày một quyển, trì Phạm đều mịt mờ, mới hối lỗi sự nghi bàn trước kia, lại càng mở rộng Thần phủ. Sư mới mang luật ôm Bình bát theo Luật sư Hồng nghe giảng, tham cầu học hỏi Luật Tứ Phần. Một phen trải qua hơn ba mươi biến, ngày một dần thấu tới cùng, không bao giờ hết lời. Sư ngoái nhìn những người học mà mới rằng: “Tôi nghe đã nhiều, cho đến khi kinh Luận chỉ một biến là nhập thần, nay đạo trong Luật bộ thêm càng mờ tối. Há chẳng phải Lý có thể hư cầu mà sự khó thông hiểu hay sao?” Nhưng Sư kính cẩn thận trọng ba nghiệp, theo khoá sáu thời. Chỉ một mảy trần hoặc cản trở thì liền tỏ bày sám hối. Mất Sư nhìn những bậc giảng tượng giáo điều Đại thừa, Tiểu thừa, phần nhiều là các vị nổi tiếng, kính pháp tự tu, thật ít có ai sánh bằng, Sư có nghe Lệ Công giảng luật, Lệ Công bảo: “Đại Đức Pháp sư tuổi già, vì sao mãi siêng năng học luật bộ?” Sư đáp: “Tôi lúc mới đầu xuất gia, từ trong miệng hổ mà đến, liền kính phụng giới pháp, đâu thể vì già yếu mà có thể lìa Luật bộ ư? Chỉ tiếc là tôi không được thường nghe!” Sư thanh tịnh thận trọng cao vội, sơ lược như thế đó. Lại thường trải qua giấc già đói kém liên tục. Kho lăm cửa tăng chúng trong chùa nhiều lần bị phá hoại, nên từ cuối đời Tùy đến đầu đời Đường, qua bốn lượt thay đổi mới được giúp đỡ tịnh cúng, khiến cho khắp bốn phương mừng gặp. Sư rất có công. Đến niên hiệu Võ Đức (617-627) thời Tiền Đường, giặc Lưu Thác dấy khởi, dân ở các châu Ngụy, Tương, v.v... đều bị giết hại, bỗng nhiên có một ngày kinh hốt, các hàng quan dân lớn nhỏ đều bỏ thành chạy trốn. Sư đang ở Vân Môn, nghe có sự việc ấy, bèn dẫn hơn hai mươi học sĩ đi

về hướng Đông đến Tương Châu, hoàn toàn không có người và vật, Sư liền giữ thành tự ở, kẻ tăng người tục khắp bốn phương vì có Sư hiện ở trong thành nên họ bèn quy hướng nương tựa. Đương lúc ấy, mọi người tự ẩn tàng thân hình mà riêng mình Sư có tiết tháo vượt trội còn ở lại nước giữ thành, dẫn dắt mọi người. Có thể gọi đó là gặp thời loạn mới biết người.

Sau năm đó không bao lâu, Thiên Sách bày binh lính, xa đến làm giặc trong cảnh vực. Quân lính thật không theo, đều xuất dương cơ. Sư đứng đầu chúng tăng, dự biết rõ ràng về lợi hại, bèn nhóm họp chúng mà bảo rằng: “Quan quân tĩn loạn phải có đón rước, các vật thực của chúng tăng, theo nghĩa phải đưa đến trước”. Lại cùng Đại chúng đều không có người nào theo. Sư sợ bị phạt sau, ắt có thể thừa quyền, nên riêng một mình Sư đến trong cửa Quân, tỏ bày đầy đủ nguyên nhân đến đây. Khi đó, Tào Công Từ Thế Tích dẫu nhọc công thưởng duyệt, nhưng vẫn bảo những người theo hầu theo Sư đến chùa nhận giao lương thực. Sau khi thanh bình, Tào Công bèn về tấu trình kể lại đầy đủ công lao của Sư. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) liền ban sắc nhập vào trong giặc. Ở các Châu hiện có Tăng ni chỉ còn ba mươi vị. Khắp Tương Châu đặc biệt phải theo chế định, dùng việc để xem xét người. Khó lường biết được Sư. Lại nữa, sau thời hoang loạn, luật pháp không thi hành, đều dùng bát đồng, thân mặc theo y phục thế tục đồng như các lưu tục. Sư lo sợ Phật pháp bị huỷ diệt, nên đích thân tự kinh doanh làm khuôn tạo dáng, y theo pháp luân xông nung nên thành bình bát đẹp, ban cấp cùng khắp để thọ trì, mãi đến ngày nay được thực hành rộng rãi. Đó đều do công lao của Sư chứa nhóm lưu truyền tiếp nối. Lại, nhà kho của tăng bị cháy, lúc ấy vào nửa đêm, bỗng nhiên có người báo, Sư chạy đến xem xét, may là mới bốc cháy, nên cứu được thoát khỏi. Trở về hỏi nguyên do mách báo, thì không hề có ai biết. Bởi vì đạo của Sư thông cả u hiển, nên thường cảm động đến điềm lành.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ 9(635) thời Tiền Đường, vua Thái Tổ (Lý Thế Dân) có ban sắc mời Sư vào Kinh đô nhưng Sư đều lấy cơ bệnh mà cố từ chối, không tham dự đến vấn đề vinh hiển. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đã chín mươi tám tuổi, hiện ở chùa Từ Nhuận, vẫn sáng suốt mạnh khoẻ như trước kia. Cả bốn chúng đều nhớ tưởng, kính ngưỡng. Những người kính mến vẫn mang kinh sách đến thưa hỏi cầu học. Sư bèn đem sức suy yếu mà bảo rằng: “Công phu tu học của tôi rất nhiều, mỗi lúc có kinh luật, tuy nghe qua hai, ba mươi biến, ý chỉ mới khơi sáng, mà vẫn còn tiếc vì thiếu

công phu, muốn gồm hiểu các bộ khác, nhưng chưa rảnh rỗi để xem nhiều. Hàng hậu học ngày nay chẳng được như thế, chỉ biết sơ qua câu văn, Tông Trí vẫn còn mờ mịt, đã dựa vào hàng bậc thầy khuôn phép, lại không quán thông. Do đó, suốt đêm dài thắc mắc trong lòng, cuối cùng có nghiên cứu tìm tòi nguồn gốc chẳng biết nguyên do thứ lớp. Đó là Pháp bị huỷ diệt do người!”. Ngày nay tuy tuổi già mà Sư khai đạo mục đích là thành khí, giống như giữa mài để hợp với bén nhọn, đâu thể đúc nắn đơn sơ được? Do đó, Sư dẫn hoá từ chỗ đầu mối thẳng bày cương yếu. Mà Sư kính giữ pháp cấm, giữ Đạo có chế Thiên nhiên, giữ gìn thân tâm, càng già suy càng dốc chí, y phục chỉ đơn sơ, mục đích để che hình thể, xiêm treo trên vách tường, một thước lụa chẳng dùng. Lợi lộc bên ngoài có được, Sư đều ban cấp cho giảng chúng, khâu vá y phục, chẳng khổ nhọc đến người giúp đỡ. Hiện tại Sư mang đôi giày gai đến nay đã hơn ba mươi năm năm, hề có đoạn hư hoại thì khâu lại mà dùng, nơi nào có mưa bùn, Sư bèn đi chân không. Có người hỏi lý do thì Sư đáp: “Bùn đất mềm dễ bước, chẳng hao tổn của tín thí!”. Lại vào mùa lạnh Sư chẳng thêm lửa, mùa nóng bức chẳng nường ở chỗ mát. Bình nước đông lại, bên trong đóng rêu. Từ khi thọ giới Cụ Túc về sau, bình bát của Sư không hề có ai tẩy rửa. Vào Hạ đã qua chẳng ăn rau lá. Hễ qua lại chỗ nào, Sư tự cầm chổi quét trước, giữ gìn mạng sống loài vật đâu có lỗi ấy. Phàm các hạnh ấy trước sau chỉ một đường.

Tôi vì gần gũi phô bày lời nhỏ nhiệm, kính thờ cảnh hạnh đó, còn tiếc chỉ nêu bày đại để. Sự việc sơ lược mà văn rườm rà, cho là khinh ước. Sư có đệ tử là sa-môn Đàm Nguyên là vị Tăng Cao Khiết, kinh luận và luật tạng đều có mở bày chỉ dạy, riêng trọng Thanh hạnh, ăn mặc đúng cách. Trong chùa tuy khiết tịnh, nhưng vẫn có tâm trần điểm, ngài thường khát thực để tự nuôi sống, nay gá rừng vắng, lo dự núi báu, chí khí sống với Đạo, xa lìa thế tục. Sư lại có Môn nhân là Sa-môn Linh Phạm, học thông qua ở Sư mà tuệ ngộ thì ít hơn, được vua ban sắc mời đến trụ chùa Hoàng Phước, lúc ấy đang mở rộng Nhiếp luận, nay ở trong Tông mà dựng cao cờ nghiệp, nổi tiếng khắp kinh Ấp. Lại vì Sư tuổi tác và học hạnh cao xa, nhà vua ngày nay rất kính trọng. Nhân sự liêu tả, đích thân đến thất của Sư, Sư trình bày Đạo, càng hợp tâm vua, nên lại tiếp tục chữa nhóm công đức ấy.

### ***13- Truyện ngài Thích Linh Nhuận trụ chùa Hoàng Phước ở Kinh đô:***

Thích Linh Nhuận, họ Lương, người ở xứ Ngô Hương thuộc Hà

Đông. Gia đình Sư nhiều đời là quan chức. Giòng tộc cao quý trong làng nước. Mà phong cách Sư rộng rãi, nghị lực bao gồm Đại phương. Thử thiếu thời, Sư đã đi trên con đường trong sáng, lúc trưởng thành Sư tiếp thừa theo các lệ khác, cho nên hay chánh hạnh thường y cứ, không trang nghiêm mà thành. Anh em Sư gồm có mười người, đều là người tài giỏi khôi ngô, vẻ vang ở đương thời. Trong đó, ba người giữa đều kính mến hạnh xuất gia. Cha của Sư bảo Sư rằng: “chỉ cần tụng thuộc Kinh Quán Âm thì sẽ chấp thuận.” Sư bèn cầm quyển đọc tụng, một lần ngồi chẳng đứng dậy từ sáng sớm đến nửa ngày. Văn ngôn bèn thấu triệt, liền được cha chấp thuận. Sư bèn đến nương tựa Pháp Sư Linh Xán chùa Hưng Thiện. Ngài Linh Xán có chánh hạnh, đầy đủ như ở biệt truyện.

Năm mười ba tuổi, đầu tiên Sư nghe giảng Kinh Niết-bàn, khéo thông rành Văn ngôn yếu chỉ. Đến tuổi có chí cầu học, Sư bèn dung hội những điều nghe trước, bao gồm tỏ ngộ lý mới, liền lên tòa giảng mở mang ý nghĩa Thích Giáo, chia thành Khoa tông, chư tăng tài giỏi đều vui mừng đức hạnh của Sư lại kính trọng hành trì pháp cấm. Động tịnh đều an, Sư chẳng vọng theo, chỉ thường sống theo khuôn phép. Do đó, các vị Đại đức ở chùa Hưng Thiện là những bậc Danh tăng trong nước đều nhìn Sư mà bảo rằng: “Chú Sa-di này mới cất bước mà đã như thế thì chắc chắn khả năng kham nhận trụ trì!” Từ đó về sau, thâm tâm Sư luôn hướng đến Đạo, thông đủ các Pháp sư, dự ở thấy nghe mà bao gồm chứa nhóm trong Thần Phủ. Ngay đó, liền phải bỏ cả người, pháp, khuê chương giải hạnh, đều bao trùm cả gốc ngọn, gồm cả thành bại. Tại chùa Nhân Thọ cảm ứng điềm lành, ở Hoài Châu xây dựng tháp thờ, nhà vua đều có ban sắc mời Sư đến. Quan sở lo cúng dường, ngựa trạm chở theo Sư đi về phương Đông. Sư chỉ khát thực theo hàng, không nhận cung cấp riêng. Khi đã đến Hà Nội, kẻ tăng người tục đều kính trọng sự tinh thông của Sư và kính quý hạnh giải của Sư. Mọi người có được quy giới đều do từ nơi Sư. Khi ấy, tiếng tăm Sư vang khắp Hà Bắc, vẻ vang cả kinh đô. Nghe chư tăng chùa Linh Nham ở Thái Nhạc đức hạnh trang nghiêm thanh tịnh, làm khuôn phép cho khắp cả bốn phương, Sư bèn mang sách trượng tìm tới. Đã thấy người xứng đáng bậc thầy, Sư bèn theo thưa hỏi sự dạy răn, bèn tập học Ban-chu hành Định, không trái lầm sớm tối, lúc đầu mới trải qua hai mươi một ngày, tình sự hơi mỗi mệt, từ đó về sau Sư quên cả ngủ nghỉ mỗi mệt. Thân tâm tinh tấn giữa mai, trải qua cuối mùa Hạ. Bấy giờ đồng bạn có hơn năm trăm vị, mỗi người đều kính vâng thực hành, đôn đốc sách tấn lẫn nhau. Đến lúc mãn Hạ, tất cả đều đi không còn một ai, chỉ mình Sư riêng giữ tiết tháo

vượt trội, tình sự chẳng đổi thay, đều không toan tính, cùng một văn từ, kính xưng huy Tích.

Bấy giờ, Cha của Sư làm Ích Đô lệnh Thành Châu, ông ngoại của Sư là Ngô Siêu làm Hoài lệnh Hoài Châu. Đường Tổ của Sư là Ngô Đồng làm Sơn Tiến lệnh Tề Châu. Chồng của dì Sư là Hầu Viên làm Kim Hương lệnh ở Tào Châu, đều là Tông tộc nội ngoại Thân nhân của Sư. Tuy qua lại các trường giảng, đến chỗ các sở bộ ấy, sự việc đi ngang qua đường nhưng không hề gây ra lỗi lầm nào. Cho đến sinh duyên trái táng, hoặc có lòng kính mến mà thỉnh mời. Sư bày tình như gió thoảng, chẳng hề bước tới. Sư cắt đứt Ân ái theo Đạo, đến như thế!

Có Pháp sư Đạo Trang, tiếng tăm vang khắp trong nước, đang giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Sư bèn tìm đến đó. Bấy giờ, Sư chưa thọ giới cụ túc mà thanh thế Sư đã sớm vang xa. Khắp cùng Pháp tịch, văn nghĩa Viên Thông, hỏi vặn hóc búa, xứng đáng được truyền Nguyên Tể. Đồng dự Pháp tịch ấy mọi người đều tỏ lòng kính ái. Sư vâng thừa nơi thần làm gốc, kính phụng ngài Đạo Trang làm Hòa-thượng. Sau khi thọ đại giới, Sư bèn đến các Luật ty, các Kinh Thập Địa, v.v... Sư lược đọc xem văn thể.

Năm hai mươi ba tuổi, Sư về lại kinh đô, gặp được Pháp sư Chí Niệm đang giảng dạy Tiểu Luận. Sư muốn Quán xét khắp cùng Biển trí, bèn tham dự vào hàng thính chúng. Lại có Pháp Sư Biện Tướng, là người có sở học bao gồm Đại thừa Tiểu thừa, tiếng tăm vang dội khắp trời. Với Nhiếp Luận lúc đầu mới hưng thịnh, ấy thật là ít thấy. Ở chùa Tịnh Ảnh Sư mở giảng Khai Tông, Ngài Biện Tướng soạn số năm quyển, bèn đến giảng tại Kinh Hoa, thính chúng có hơn năm trăm vị tăng. Người tham dự dựng nghĩa có đến mấy trăm. Ban đầu, Sư từ Quan biểu, Sư tham dự các trường giảng, noi theo những điều khác lạ, bèn phấn phát với các luận kỳ đặc. Cả pháp tòa mọi người đều kinh lạ, nghiêng mắt mừng khen. Vừa lên, có Pháp sư Biện Hạnh, cơ luận khó lường, ở giữa chúng cao tạ mà kính sợ. Tuy là tiếng tăm vang cùng Đế kinh, mà thần khí Sư tự tại. Hoặc có người gièm pha phỉ báng tới tai Sư mà Sư làm như chẳng hề nghe. Sư dùng Đại trấn tâm, không có tâm mừng giận. Ở thời Pháp mật là chỗ cậy nhờ, thật đáng mừng vui!

Vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Bệnh phong của Sư càng nặng, sau khi bình phục, bốn tâm Sư càng tinh tấn với nghiệp hạnh mới. Lại sợ Báo thân chỉ trong sớm tối, không giữ được bốn hoài, giảng dạy dẫn dắt hàng thế tục qua lại phiền tạp. Sư bèn lánh khỏi việc người, nhàm chán thế tục, trở về với nhàn tĩnh, bèn sang phía Tây Bắc của



Nam Sơn, đến tận cùng cực của Lễ Hộ, phía Đông gần tới Ngọc Sơn, nương nấu nơi rừng lạnh, thực hành hạnh Đầu-đà. Bảy giờ, cùng có các Sa-môn Không Tạng, Tuệ Tấn, Trí Tín, Trí Quang, v.v... đều là những bậc tài giỏi ở Kinh Ấp, đồng tu hạnh xuất ly. Đã ở nơi chốn rừng rậm gò mả, Quỷ thần ở đó nào hại, hoặc xô đẩy bốn chấu ngựa nghiêng, hoặc lớn tiếng kêu gào. Riêng Sư thể nhận được tánh vắng lặng ấy, nên vẫn an nhiên tĩnh tọa như không có điều gì xảy ra, các vị bị nhiễu loạn đó đều đến nương tựa Sư. Hoặc có lúc lại ở trong rừng sâu giữa đồng trống, chỗ Hồ long qua lại. Sư vẫn thật tâm an chỉ, không mảy may sợ hãi. Sư vẫn giữ hạnh ấy, cho đến trọn đời vẫn truyền trì.

Vào cuối niên hiệu Đại nghiệp (627) đời Tùy, không cho ai xuất gia làm tăng, Sư bèn khuyết thiếu hạnh ấy, Sư bèn trở về chùa Hưng Thiện, gá ở Tây Viện, riêng tĩnh lặng tu dưỡng tịnh nghiệp. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa nhập tịnh. Sư thường giảng các Kinh Niết-bàn v.v... có các Thiên sư Tuệ Định, v.v... đến nương tựa thọ học, cùng sách tấn nhau tu hành theo thời khóa, không ra khỏi phòng viện suốt trong ba năm. Sư kết bạn dần đông, thực hành các hạnh thanh tịnh. Bảy giờ, Pháp Sư Tăng Xán như cái lọng cao che chở cả chùa, biện luận sắc bén không ai hơn được, kháng hành cả Kinh Quốc, bèn dẫn hơn năm mươi vị tăng tài giỏi đến nơi pháp hội, rõ ràng được Thần lược nơi Sư. Mọi người đều nương tựa thưa hỏi nghĩa cao ẩn. Sư lãnh chủ đối đáp, chia rạch ròi, mọi người đều vui mừng tán thưởng, khéo phù hợp với yếu chỉ của kinh. Từ đó về sau, càng vẻ vang rao truyền sáng giá. Chúng Tăng nhóm họp cùng theo, Sư rất giỏi Đạo nghiệp Nội truyền, sắp lưu bố pháp vị.

Vào niên hiệu Đại nghiệp thứ mười chín (614) đời Tùy, Sư được mời đến Hồng Lô, dạy dỗ trao truyền cho Tam Hàn, đồng thời ở tại Bồn tự, phiên dịch các bản kinh mới, đồng thời Tông Hạc có tiếp thừa, chẳng khuyết thiếu phong thái. Gặp lúc dân chúng đời Tùy loạn lạc, Đạo sáng khó chứa nhóm, Sư bèn ngấm ẩn đến trụ chùa Cẩm Hóa ở Lam Điền, trước sau tất cả mười lăm năm, chân chẳng bước đến thế gian, lia kinh chuyên nghiệp. Chúng thỉnh cầu thì Sư liền giảng, chỉ bày những điều chưa từng nghe. Quanh năm, Sư nhập Định, lại vắng theo tiết tháo tĩnh lặng. Có Sa-môn Chí Siêu là bậc kháng tiết Thiên Phủ, nghe Đạo phong Sư mà đến tỏ bày, bèn sớm kết giao, niệi định của Sư, vui theo sự nói năng và im lặng. Bảy giờ gặp phải thời buổi đói kém, kẻ tặng người tục đều đượm nhuần, cảm hóa cả chùa, thỉnh riêng khách tăng, giã gạo làm cơm, đậu mạch đều nhau. Ngày đêm khuyên răn siêng năng hành đạo lấy làm việc chính, nên khắp bốn phương người mến nghĩa, quy hướng



đồng như mây nhóm. Sư chu cấp đầy đủ tinh thô, không trái với Tăng Pháp, cùng thọ dụng rau trái đến cả năm. Đó thật là do các bậc Chí Đức thâm phù hộ, gồm cứu giúp được nhiều ngày. Vì Sư hoằng hóa hợp với ngoại lưu, nên tiếng tăm Đạo hạnh vang xa, cả chùa Hưng Thiện đều kính thờ, bèn tấu trình tỏ bày, nhà vua ban sắc thỉnh Sư về sung vào đảm nhận việc chùa. Sư không giữ được chuyên chí, phải đến coi sóc.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc xây dựng chùa Hoàng Phước, Sư lại bị thỉnh mời, tức hiện tại công việc phiên dịch chứng nghĩa kinh điển phải sáng suốt, mọi chỗ đều rõ ràng chuẩn định. Sư lại đảm nhận việc ấy. Đến như Từ lý có chỗ nghi ngại. Cách ngôn cho đúng, đồng thời xếp đúng vị trí, người ấy là trên hết, trong giòng họ Thích khắp kinh ấp, thật chỉ có Tăng Kiệt vậy.

Trước kia, vào cuối đời Tùy, khi Sư trụ viện tại chùa Hưng Thiện, chiêu cảm tướng ma khuấy nhiễu, Sư vẫn giữ định chí không thay đổi, âm thầm bị thiện thần đến bắt đi. Qua đêm, bảo rằng: “Hôm qua, con ma y theo pháp trời chặt rất biết lụy trọng, tự cảm mà chết. Những điều cảm ứng như thế, số lượng thật khó ghi nhớ hết.

Trong niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, khi đó, Sư đang trụ chùa Hóa Cảnh. Chủ chùa là sa-môn Trí Tín bị người mách báo, vua bèn sai sứ vây bọc chùa, tỏ vẻ oai quyền. Sư bảo: “Ồ núi hành Đạo, Tâm chẳng trái với vật, chỗ Thánh hiển biết rõ, chắc chắn chẳng như điều mách báo, khiến người sứ càng tức giận.” Bỗng nhiên có gió lớn nổi dậy, sấm sét vang động, núi sụp đổ, cây gãy ngã, thổi tung khăn mào tòa tịch phiêu lạc mỗi thứ mỗi nơi. Cả chúng cùng kinh hãi, bèn cầu xin sám hối. Sư bảo: “Đàn Việt có phước, chiêu cảm đến u linh, điềm lành ứng hiện đó, từ xưa đến nay chưa từng có.” Kể sử tự nhiên thôi bỏ việc ấy.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường. Sư cùng các bạn đạo lên núi đạo xem, lửa hoang cháy khắp bốn phía, mọi người đều chạy tán, chỉ mình Sư tự nhiên đi như thường, nhìn thấy leo lên. Sư nói với những người còn lại theo Sư rằng: “Ngoài tâm không có lửa, lửa thật ở tự tâm. Cho là có thể chạy trốn khỏi lửa nhưng làm sao thoát khỏi lửa.” Và khi lửa đến, Sư dập tắt, y cứ theo sự việc để lường, thì biết là người khó.

Về sau, lúc Sư trụ chùa Hoàng phước, có vị Tăng có sự duyên vãng sắc mà hoàn tục, lại trải qua ân vua lại nguyện xuất gia. Các Đại đức liền nêu danh, đồng đề cử được Độ, tấu trình lên triều đình nghe

biết. Nhà vua bèn ban sắc rất trách cứ đưa đến Nam Duệ, thuộc Hoan Châu hành đạo. Khi ấy chư tăng mở lập riêng làng vua, không ai chẳng cảm động. Riêng Sư vẫn an nhiên, dung nghi chẳng đổi thay, ngoái nhìn mà bảo rằng: “Qua lại trong ba cõi là lý thường xưa nay. Được sắc bảo tu Đạo. Có gì phải buồn khóc? Và Sư liền phát tay áo vui vẻ đi về hướng đông. Kể tăng người tục nghe thấy thấy đều thán phục! Sau đó, lại có sắc lệnh truy tìm, mời Sư đến an trí ở Lạc Đông. Sư hành hóa khắp các xứ Trịnh Ngụy, mang pho bộ kinh điển, bày mở trường giảng. Sư giảng Kinh Niết-bàn có hơn mười biến. Áo Nghĩa như suối tuôn, dòng tuệ sông rơi. Sư bèn bảo với Môn nhân ở kinh ấp với lời sơ rằng: “Nay tôi đi đến phương Đông, lược sơ đã có ba điều lợi ích: một là đáp đền tội trước, hai là thuận với nhàm chán sự sống và ba là thành đạt hạnh lớn. Tôi có lụy chương đời trước may nhờ Thiên từ quả trách, nay được báo đền, thì nghiệp lụy sẽ chuyển diệt! Chỉ thêm tâm vui mừng, đâu có buồn ư? Hàng ngu phu si ái việc gì cũng dấy khởi đấm trước, còn người Chánh Trí thì không như thế, nhàm chán chẳng xem trọng sự sống. Hai cảnh dơ sạch đồng gọi là Đại Không. Phạm Thánh hữu tình đều chỉ do giác tánh. Giác và Không bình đẳng, đâu có chỗ chấp trước. Tự độ, độ người đều là đạo lợi ích. Đề cử người xuất gia là nương tựa theo đạo làm lợi ích cho vật. Tôi nguyện ở trong ba cõi, độ khắp bốn loài chúng sinh, thường không lui sụt. Ba điều lợi ích ấy, các ông đều nên biết. Mỗi người hãy tự điều tịnh căn nghiệp, cùng sống với pháp lành. Tôi không có gì phải lo toan!” Bộc xạ Phòng Huyền Linh gặp gỡ Sư, ngợi khen rằng: “Đại đức dựng lời, Văn Từ nghĩa lý đều rất ráo. Xứng đáng với Danh thực, thật là chỗ đáng trông ngóng!” Sau đó không lâu, nhà vua lại ban sắc tìm thỉnh Sư về lại chùa Hoằng Phước, y cứ vào giáo tông mà mở mang hóa độ, chỉ ở một người là Sư.

Nhưng, lúc mới vào Đạo, Sư kính tiết chẳng khuyết thiếu, giữ gìn thiết tháo, tu nhiếp oai nghi, thân tướng khô ngô hòa nhã, cao đến tám thước. Với mọi sự động tĩnh, Sư đều ôn hòa vượt cao hơn đồng bạn. Năm mươi ba tuổi, Sư lia thế tục, khôg còn trở lại. Cha mẹ qua đời, anh em Sư buồn thương mách báo, mà Sư giữ tình tự nhiên, chẳng mảy may thay đổi sắc mặt. Chỉ lo tu tạo Phước thâm, thiết lập trai hội cúng dường ngàn vị tăng. Lại độ khắp cùng kinh đô, bố thí ruộng Bi, đủ ăn mà thôi. Còn như thế tình được mất như sắc nổi hoa tàn. Đã chẳng để tâm, miệng cũng không nói. Bấy giờ, người đời qua lại đã biết đối đáp, đều dứt bật cúng cấp, tùy lời cùng sai khiến. Từ trước đến sau, Sư giảng Kinh Niết-bàn hơn bảy mươi biến, Luận Nhiếp Đại Thừa hơn ba mươi

biến, mỗi thứ đều có soạn Nghĩa số mười ba quyển, Huyền Chương ba quyển. Ngoài ra, với các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Luận Khởi Tín, v.v... Sư đều tùy duyên giảng dạy, và mỗi thứ đều có Sơ bộ, mà Văn Nghĩa thông đủ, rất khác với thường chấp. Còn như Nhiếp Luận Lê-da, Nghĩa bao gồm Chân Tục. Chân tức là Vô Niệm Tánh Tịnh, các ngôi vị không sửa đổi, Tục tức là không giữ nhất Tánh, mà thông đủ các nghĩa. Từ Chuyển Y về sau, riêng nghĩa bên Chân Đế tức thành Pháp Thân, nghĩa bên Tục Đế thành thể của Ứng hóa. như chưa chuyển y là thể của Quả Báo, y cứ theo chân tánh không diệt nơi nghĩa. còn tự tướng Tục Đế thì có Diệt, chẳng Diệt, vì thể từ năng nhiễm phần, nghĩa Diệt phần, có thể Khác Thể nhưng sự nghĩ biết chẳng diệt. Còn như trong Chương Tư Lương, các Luận sư đều cho là có ba lớp Quán, là Vô tướng, vô sinh và Vô Tánh tánh. Sư theo văn tìm lấy ý chỉ, không có lớp thứ ba, nên Luận Văn trên dưới chỉ có hai lớp. Xả được như Văn. Bấy chỗ trước ở lớp thứ nhất là Xả Ngoại trần tà chấp, được ý ngôn phân biệt trong chỗ thứ tám, là Xả Duy Thức tướng mà được Chân Pháp Giới. Trước Quán Vô tướng xả ngoại trần tướng. Sau, Quán Vô Sinh, Xả Duy Thức tướng. Ngay nơi Sát-na thứ hai liền vào Sơ Địa. Nên không có lớp quán thứ ba. Y cứ vào ba tánh nói về ba Vô Tánh, Quán chiếu y cứ khiến trừ chấp trước, chỉ có hai lớp. Còn như ba tướng của Bốn Thức, tự Tướng thọ huân. Trong Tánh Y tha, nói có ba diệt chung riêng. Lại nữa, với bốn quả Niết-bàn, nghĩa lìa hợp khác, hai chỗ ba thứ huân tập, thể không có riêng. Còn các điểm ấy v.v... có khác với các Luận sư. Yếu chỉ giữ, bỏ (Tồn, phế) đều trình bày rõ ràng đầy đủ trong Chương số.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tịnh Nguyên là bậc thần duệ cao với việc quan trọng rộng khắp nổi tiếng nơi chốn kinh kỳ, giảng thích kinh luận qua nhiều năm tháng, thuyên biện Danh Lý âm hưởng tràn cả Học Môn. Thêm vì tánh Sư ưa thích suối rừng, chẳng màng danh lợi, mặc áo thô xấu, ăn uống đạm bạc, chỉ lấy việc Đàm Huyền làm chính. Sư lấy chỗ lập nghĩa của Ngài Linh Nhuận mà dựng lập chí khí tìm cầu, chuyển giải tuyền nhanh như gió trùm khắp đương thời. Có Sa-môn Pháp Ngự là người Đạo Định, mộng thấy Sư tay rất lớn cầm Ấn đứng tựa bàn sách, liền có chỗ thông. Đến lúc tỉnh giấc bàn nói việc ấy với Sư, thì ngay lúc ấy Sư đang bày nghĩa ấy, liền nhân đó mà được tòa rộng, bèn thành Vương lộ!

Có Sa-môn Trí Diễn tức giống như đệ tử của Ngài Linh Nhuận, thưở nhỏ được ngài dẫn dắt vào Đạo, đem kinh giáo mà khuyên dạy, tiếp thừa sáng rõ, Từ nghĩa rất hợp, chuyên giảng Nhiếp Luận, Kinh

Niết-bàn, ở gần chùa Pháp Trì ở Lam Điền, hợp Luật thành Tượng, chóng động vẻ vang ở đương thời. Nhưng từ khi có Pháp đến nay thì thần trò truyền Đạo, Tông ấy ít tiếp nối, chỉ có đầu mối của Ngài Linh Nhuận mới tiếp nối vẻ đẹp tu hành trước, gần ngang vết với An Viễn. Mấy trần khó cứu giúp, thấy ở ngày nay!

#### **14- Truyện ngài Thích Đạo Hồng trụ chùa Từ Ân ở Kinh Đô:**

Thích Đạo Hồng, họ Duẩn. Người ở xứ Hà Đông. Cha của Sư tên là Diệu, làm Quan ở đời Tùy, nhậm chức Giang Lăng lệnh, có tất cả năm người con, Sư là con thứ ba. Sư rất thông minh tỏ ngộ khác thường, lại rất nhàm chán thân này.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ sáu (586) đời Tùy, vừa mới mười ba tuổi, Sư xuất gia theo thờ Pháp Sư Đàm Diên là bậc Đại đức ở Kinh Ấp thông hiểu giáo điển nội ngoại vang danh nơi cửa trường. Tuy rộng hoằng truyền nhiều bộ, mà Sư chỉ Lấy Kinh Niết-bàn làm chỗ cùng cực của sự nghiệp giáo hóa, nên Sư giảng dạy kinh này. Do đó Thầy trò truyền đạo tiếng tăm, công lao vang xa, cũng ở trong Pháp Chúng đích thân dẫn dụ đáp thuật. Sau, Sư lại đến chỗ Pháp sư Nguyên, học thông Địa luận, cạnh đó gồm thông kinh số, hơi thơm đức hạnh Sư chấn động cao xa.

Đến lúc vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy băng, chùa Thiên Định được xây dựng, Vua Dương Đế (Dương Quảng-đời Tùy) bèn thỉnh Sư đến ở đó. Từ đó, Sư chuyên việc giảng dạy kinh giáo, xoay vần không ngừng nghỉ. Mãi đến đầu niên hiệu Trinh quán (627) thời Tiền Đường, triều đình mở mang trì Đạo. Giềng mối các chùa, đều giúp cho thành đạt. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn ban sắc mời Sư làm Thượng tọa ở chùa Luật Tạng. Sư chứa nhóm hài hòa lý sự, xứng hợp với triều giao, lập tánh trong sạch thành thực, không đua tranh Vinh nhục, nên khiến cho hậu cúng lễ nghi đặc biệt, sắp xếp mời thỉnh. Khiến cả hai cung dựng phước khéo giúp, tìm nêu vật nghị bàn, đến bất cứ ở đâu cũng suy tôn Sư lên trước. sau đó, vua lại ban sắc mời Sư đảm nhiệm chùa Tổng Trì. Vốn làm chủ chùa, Xuân cung cúng dường vật lạ, tùy theo mùa dâng đến, vì đoái lại lễ thọ giới.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Chúng tăng chùa Bảo Xương thỉnh Sư giảng Kinh Niết-bàn. Bấy giờ, cảm có chim Trĩ mâu trắng theo người đến nghe Pháp, nhóm hay tan dần dần quen với giảng hội. Sư nối nhau truyền trao mãi đến tuổi già. Sư giảng kinh Niết-bàn tất cả tám mươi bảy biến, nương vào Tông chỉ, ít rơi lạc

vào thường luân. Và khi chùa Hoằng Phước mở ra việc Phiên dịch kinh điển, thì chọn Sư sung vào lo việc chứng nghĩa. chùa Từ Ân mới xây dựng, vua lại ban sắc mời Sư đến ở. Đến cuối niên hiệu Trinh quán (650) thời Tiền Đường, hơi cảm thấy nhẹ bớt, mới qua một tuần mà Sư thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

Lúc mới nhiễm bệnh, hoàn toàn không đau, ít ăn không nói, trái với lệ bình thường. Và có mấy lần Sư đưa tay chỉ giữa hư không. Người hầu hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Có hai người mặc áo đội mào mấy lần đến đây lễ bái, nên bảo thôi!” Sư lại bảo: “Hoa hồng ở Lục trì đẹp xinh tươi tốt, hãy đến mà thưởng ngoạn!” sau đó, Sư lại chấp tay, đưa mắt nhìn giữa hư không mà nói rằng: “Đại Đức La-hầu-la đến. Xin già từ mà đi!” Nhân đó, Sư liền thị tịch, có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng viện. Hình khí Sư vốn trang nghiêm oai vĩ, cao hơn bảy thước, Sư luôn trầm lắng, giản đơn nhân ái, thương giúp cả kẻ còn người mất. mừng giận chẳng lộ vẻ, tiết tháo chẳng hiện bày. Người viết truyện chỉ trông xem khái lược về Sư, những điều yếu diệu hẳn nhiên là có lướt bỏ nhiều.

#### **15- Truyện ngài Thích Nghĩa Bảo trụ chùa Từ Ân ở Kinh đô:**

Thích Nghĩa Bảo, họ Tiết, người ở xứ Tấn Lăng thuộc Thường Châu. Là con cháu của tướng Mạnh Thường Quân đời Tề, là dòng dõi của Danh thần Tống Oánh đời Ngô.

Sư vốn có Thiên thể cao xa, bản tánh sáng suốt. Sau khi xuất gia, Sư chuyên vân du giảng nói, đi khắp xứ Cối Kê, thống ngự các Pháp Diên. Mới đầu, Sư theo Pháp Sư Tiểu Minh chùa Vĩnh Tịnh ở Tô Châu thọ học các Kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm. Ngài Tiểu Minh là con cháu kế thừa của Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng đời Trần. Là bậc chuyên kinh mạnh đáp, cũng là vị tăng tài giỏi ở đương thời. Sư thuận theo giáo nghĩa, thường thỉnh mời bàn nói, cùng việc thông xem. Nên Sư bèn từ già đi sang núi Tấn Vân, đến chỗ Pháp sư Khoán chùa Vĩnh An Vụ Châu. Pháp sư Khoán đời Trần, trụ chùa Hưng Hoàng tụ tập hưng thịnh. Bấy giờ đang lúc pháp chọn, kíp động Thần cơ. Pháp chủ đã thị tịch, Sư bèn đi khắp các dòng để xem nghe, như đến chùa Thiền chúng ở Trường Can, đến chỗ Bố Công ở chùa Thê Hà, đều đủ các hình thức chiêm ngưỡng, gần gũi đượm nhuần các lệnh khác. Do đó, mà bốn Bộ kinh ba Bộ luận ở giảng Biếu được suy tôn cao vời. Sư kính đội Nghĩa diên, suy nghĩ bày chọn. Những bậc tài giỏi ở các phương khác cùng kính thờ biệt luân. Pháp Sư Khoán cũng khuyên Sư thực hành lễ truyền Đăng. Ngài mới theo đó. Sư bèn nghe theo Truyền kinh giảng Luận

hơn ba mươi năm. Sáng tỏ cùng Ngũ Hồ, vang danh khắp Tam Phụ. Sư thường đem Đại thừa Chí Giáo vốn xuất từ Vị âm đến Trung Nguyên truyền bá rộng rãi, bèn hưng khởi ở Dương Việt. Than ôi thuận vị không đâu chẳng thấm đượm.

Sau, Sư đến trụ chùa Pháp Tràng ở núi Kim Hoa thuộc Đông Dương, hoằng Đạo không mệt mỏi, thường ngày ngồi quên ăn. Khi đó, ở chùa Từ Ân tìm thỉnh các vị tài giỏi. Mọi người ở Kinh Ấp nhân Đạo phong của Sư, đem sự việc tấu trình. Nhà vua liền ban sắc thỉnh, lại phù hợp với nguyện xưa, Sư bèn vào triều. Bấy giờ, Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang đang phiên dịch kinh điển, nắm quyền hành lớn mạnh, đang mở mang giáo hóa. Sư nghĩ xa hỏi, dùng để biên chép phiên tạp, cũng đã đến lúc dừng nghỉ, đồng rõ ràng chỗ sâu kín. Ngài Huyền Trang bèn vặn hỏi Kinh luận Đại thừa, không gì mà Sư chẳng thông. Hàng hậu học ở đời Đường phần nhiều ưa chuộng Danh thể, đam mê thành tánh như keo dán trụ giữ gốc, làm sao mở lối để khai mở Huyền Chiếu? Thỉnh tông sở Học, chóng giảng được mười biến, khắc các môn vị, đồng thời đến quy y.

Bấy giờ, tại chùa Từ Ân mở rộng Hoằng Chỉ, Hữu Không dứt bỏ cả hai, bệnh và thuốc đều mất, mới có hạng người mang khí trừng mắt xác lạo loạn khắp. Sư bèn kéo chốt mở quyết, bày tỏ thần khâm, dùng tam khai để trách, nghiên cứu năm câu để trừng trị, rõ ràng bao gồm văn nghĩa, gồm lược cả mê ngộ, kinh khó luận dễ. Trái ngược sự mê muội của thế tục ở đương thời, Sư bèn luận bàn giải thích kinh sâu, dạy răn ngày nay nghe khác với xưa. Do đó, mỗi ngày tại pháp tòa, trước tiên Sư xướng đọc thánh kinh, giảng phân nửa về sau mới sáng tỏ Hiền luận. Bấy giờ, những vị tài giỏi đều dự pháp diên, ngợi khen sự thần kỳ của Sư, kính phục sự bén nhạy biện cấp của Sư. Các hàng Tể phụ mang đội mũ lọng đều nghiêng mình kính ngưỡng đức âm, lưu luyến ngôn ngữ, biên chép gửi tặng không ngừng dứt.

Mùa Đông niên hiệu Hiến Khánh thứ ba (658) thời Tiền Đường, thời gian tế lễ cầu đảo mưa tuyết. Trong nội cung thiết lập Phước Đàn. Vua Cao Tông(Lý Trị) ban sắc mời Sư vào cung, bảo các Đạo Sĩ ở Đông Minh Quán luận bàn nghĩa lý, có Đạo Sĩ Lý Vinh lập nghĩa “Bổn tế”. Sư hỏi rằng: “Đã nêu nghĩa là “Bổn Tế”, vậy Đạo vốn ở Tế, hay Tế Vốn ở Đạo?” Lý Vinh đáp: “Cả hai đều được cả.” Sư lại hỏi: “Đạo Vốn ở Tế, tức Tế là gốc Đạo, cũng có thể tế vốn ở Đạo, tức Đạo là nguồn Tế. Đáp: cũng được. Lại nói: Nếu Đạo và Bổn Tế trái nhau thì cũng có thể tự nhiên cùng Đạo lẫn nhau được tương pháp?” Lý Vinh đáp: “Đạo



Pháp tự nhiên, Tự nhiên chẳng phải pháp đạo.” Sư lại hỏi: “Nếu Đạo pháp ở Tự nhiên thì Tự nhiên chẳng phải Pháp Đạo. Cũng có thể Đạo vốn ở Bốn Tế, nhưng Bốn Tế chẳng phải Bốn Đạo ư?” Lý Vinh đã bị hỏi vặn, không thể đối đáp, bèn đánh lãng giếu cọt rằng: “Đã gọi ta là Tiên sinh, thì người trở thành đệ tử ta.” Sư bảo: “Đối đáp lời Thánh, luận bày rõ tà Chánh, dùng để phân biệt tâm vua. Hạng người cật cổ lượm củi giếu cọt đùa bỡn phiến nhiều được trời nghe. Tuy là, không nói thì chẳng đáp nhưng hãy vì cùng đáp: Ta là đệ tử của Phật, do vì tôn thờ Phật làm thầy, ông đã xưng là tiên sinh thì tức là sinh trước Đạo đó là Đạo Tổ”. Khi ấy, Lý Vinh thẹn thùng không đối đáp được, bèn xuống tòa. Lại bảo Sư nêu dựng Nghĩa. Sư bèn dựng Nghĩa Đại Trí Độ, Lý Đồ tuy hỏi vặn, nhưng Sư tùy theo lời liền xóa bỏ. Khi đó, Vua Cao Tông rất vui mừng, cả nội cung đồng khen ngợi. Lý Vinh không thắng được Sư, nên tức giận bảo rằng: “Giải nghĩa như thế, đâu phải là xa, chỉ từ xứ Ngô mà đến.” Sư nói: “Đất của Tam Ngô vốn lưu xuất các bậc anh hiền. Còn hàng thân chó mắt ngang xưa không người vật.”

Từ đó về sau, các chùa liên tục thỉnh mời, phần nhiều Sư giảng Kinh Pháp Hoa, Kinh Tịnh Danh, Trung Luận, Bách Luận v.v... cho người đương thời. Đến niên hiệu Long Sóc thứ nhất (661) thời Tiền Đường. Vua Cao Tông xa giá đến Đông Đô, tìm thỉnh mời Sư đến. Sư từng vào nơi cung cấm, luận nghĩa ngang dọc. Sư mới đến trụ chùa Tịnh Độ, giảng giải kinh luận, bày chứng rong ruổi, các vị đều đến, tiếng tăm tài giỏi của Sư càng vang xa.

Sau đó không lâu, Sư bị bệnh mà thị tịch tại chùa Tịnh Độ, thọ năm mươi một tuổi. Kẻ tặng người tục buồn bã, lo lắng Pháp môn sớm bị che đậy. Hoàng thượng buồn thương viếng điếu rất lâu, bèn ban sắc đón rước Kim Quan Sư về chùa Pháp Tràng ở núi Kim Hoa, cấp tặng mọi vật lễ tang, vang khắp xa gần.

**Luận rằng:** Từ khi Phật giáo truyền đến phương Đông, trải qua thời gian tuy xa, mà điều xướng thuyên phủ, mở dụ Tinh linh, có thể nói sơ lược.

Xưa kia, vào thời Hậu Hán, Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) năm mộng, hai ngài Ca-diếp-ma-đăng và Trúc-pháp-lan đến Lạc Dương, mở thông tỏ ngộ kẻ tặng người tục, chỉ dẫn Tà chánh, nên khiến người đương thời đồng một lúc tự nhiên đổi thay cách nhìn nhận. Nếu chẳng phải là bậc Đại Biện Tuệ thì lấy gì để làm sáng tỏ, thế thì giáo vốn mở mang chung. Tông kết quy về nghĩa cử, bàn nói thật dễ, mà nhận biết thật khó. Thường bị hạng người sai lầm truyền trao, Tịnh Danh



quở trách mất cơ, đều vì đắm chìm trong Điển Cáo, dùng mở tề duyên. Thuốc bệnh giúp nhau mê đó giác đó. Huống gì giáo điển lưu truyền đã hơn ngàn năm, tình thức bị ràng buộc trong năm thứ uest trước, dẫn lý Từ-đàm đầu thể không rời rắm. Được ở sự truyền bá mở mang, mất ở sự huân tập.

Vào đời Tấn có Sa-môn Đạo An riêng mở bày Luận Chỉ, chuẩn đích ở Tiên Thánh, lường xét Nghĩa Phương, giảng số chú thuật. Mới đầu mở đường rộng, xa gìn giữ truy tìm vết tích ở xa xưa, mong mở mang mà lưu truyền hương thơm. Nên người soạn lời tựa đề rằng: “Hoà-thượng Đạo An đục thủng đường hoang để mở vết, nêu Huyền Chỉ nơi tánh Không, dứt bỏ cách nghĩa đã qua, mở Thần Lý ở đời sau.” Còn như Sa-môn Đạo Sinh một mình riêng cao vội, chỉ nghĩ ở đương thời. Sa-môn Đạo Lâm nhận thức sâu xa, nêu lý mới mà sửa đổi sớm. Từ đó về sau, noi theo các phong hành khác. Tuy nói là khác dấu vết, nhưng có thể biết. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương trang nghiêm khoanh tay trị vì đất nước, kính phụng hộ trì. Đầu niên hiệu Thiên Giám (502) bỏ tà quy chánh, tâm tưởng nơi Phật Lý, đào luyện tư duy sâu mầu. Tại Điện Trùng Vân lập giảng hội, thỉnh chúng có ngàn vị tăng. Xây dựng nghĩa diên, pháp hóa thông hợp, chế luận năm thời, chuyển bốn phương đấng. Chú giải Kinh Niết-bàn, dùng tình chưa rộng, lại trình bày Kinh Đại Phẩm phát minh nghĩa sâu kín. Đương thời Thiên Hạ vô sự, nước nhà hưng thịnh. Phong hóa lan tỏa khắp cùng nơi hoang phục. Làng vua Chung sơn, chùa Bái cùng đến. Các chùa Danh tiếng ở Đô Ấp có hơn bảy trăm ngôi. Thưa hỏi Văn lý thường thường rời rắm.

Bấy giờ, có ba vị Đại Pháp sư là Sa-môn Vân, Mân, và Tạng, vừa mới lên đường, lại gọi là các vị tài giỏi, rót chước Luận Thành Thật đều nhanh chóng dẫn trước. Xét định người xưa, đều là cát chứa phải chăng? Vì sao như vậy? Vì như giảng giải, truyền trao Kinh giáo bốn Tông, trích Văn suy nghĩa, tình còn có chỗ mất, làm sao được bỏ gốc tìm ngọn, ý lời dẫn dùng, mỗi ngày giảng nói hồng hóa. Chỉ nêu cao Huyền Chương, chẳng thấy luận văn, đến lúc bạc đầu. Cứ ở địa vị như thế thì chưa thể gọi là “nối tiếp làm hưng thịnh”. Nếu là Lập Văn Bốn Tông, thì thật đến trong vườn nghĩa. So với chỉ trắng thì chẳng sai với khuôn phép. tuy Văn có năm điểm mất, lại mở mang hồng giới. Nhưng Giáo là nơi Lý nương tựa, Lý tùy giáo mà hiển bày, nương vào giáo mà thông rõ Lý, mở rộng giáo là do người. Y cứ theo đó mà vâng hành, hẳn nhiên là có nhiều lầm hoặc. Nếu trái với thí dụ này thì đâu khế hợp nhau được, khiến cho ngón tay chỉ lẫn nhau của ba Pháp sư đời Lương là sai lầm. Xét văn lầm loạn,

thể có đặt lời. Nghĩa là do tình cầu, tình đâu cậy nương trong đó. Nếu như có đạt được Luận Tông, trang nghiêm thành phong cách, Vinh quang cả kẻ tăng người tục, hạnh nghiệp cùng bao gồm thì chỉ có một người là Sa-môn Trí Tạng ở chùa Khai Thiện. Ngoài ra thì tuy Tuệ giải là giỏi mà nghi phạm còn nhiều xen tạp. Chẳng phải không có mười vị tài giỏi xuất chúng vâng tu theo Tế hạnh, nhưng Định học nhiếp tâm thì chưa nghe ở đời, nên lược nói như vậy.

Vua Thái Tông Giản Văn Đế (Tiêu Cương- thời Nam Lương), xưa kia khi ở Đông Phủ, gửi tâm trong pháp mầu, đọc xem khắp Huyền Chương, tâm chí quy hướng về Bát-nhã. Chích lấy máu tim mà viết mười Bộ. Lại soạn Pháp Tập, Liên Bích, mỗi thứ đều hơn hai trăm quyển. Nhưng vì về sau gặp quẫn bách trôi buộc nên khiến chúng tăng không nghe. Đến thời vua Trung Tông Hiếu Nguyên là người thể Ngô sâu kín, càng tin tưởng cao sâu. Với các Bộ Kinh Pháp Hoa, luận Thành Thật, vua thường tự giảng nói. Có Sa-môn Đạo Khả là bậc đức lớn tài giỏi đương thời, nghiệp bao trùm cả thông Hiền, biên soạn mới lạ. Vua rất tôn trọng, kính phụng, tôn làm Tăng Chánh. Mở rộng Học phủ, rộng mời các nghĩa Tăng, lại vâng theo vết cũ, cửa nhà đổi khác. Từ thời các vua Tuyên Đế (Tiêu Sát) Minh Đế (Tiêu Quy) thời Hậu Lương về sau, việc phước tuy rộng lớn, nhưng giáo lý thì bị ngăn che đầu mối. Còn năm vua ở đời Trần, trong đời gặp lúc hỗn loạn, ở Kinh Ấp, chùa chiền, tăng chúng bị giết bị đốt gần hết. Và đến lúc mới được sửa sang lại, tiếp đôn tay nối liền rui, đắp lại nền tảng như thời nhà Lương, mở cửa Phước tuệ, ở đời gọi là Nan kỷ. Các bậc Danh Đức thẳng hạnh chắc chắn là có khả năng truyền. Tuy được năm, ba nhưng mất lại nhiều chỉ lo là thiếu các truyện khác, và thời đều mất. Đối với việc này thật đáng buồn! Còn như các ngài Diễm, Tước đến xứ Ngũ Hồ, các ngài Vinh, Lãng đi khắp cả Tam Sở. Hai Quỳnh vì cứu giúp mà truyền đời, hai đảng vì Hộ Pháp mà tiếp nối. Đức lớn mở rộng. Đến Bắc nghiệp rất được sáng rõ. Lúc mới đời Đô cơ cấu nền tảng rất nhiều, gồm sáng lập đạo tràng, dứt bật hết lối Ma. Nên khiến các bậc Anh tuấn nhóm họp như rừng, nghiệp chánh như mây nhóm. Mỗi lúc kiến lập Pháp diên, thánh chúng có hơn ngàn vị. Các Sa-môn Tuệ Quang, Đạo Phùng thực hành khuôn phép chung. Các Sa-môn Pháp Dung, Tuệ Viễn đoái nhìn tranh giành quyền hành. Nhưng mở vạch Chương Đồ, giải thích từ nghĩa đều suy tôn ngài Quang Thống làm lời nói trước, há chẳng phải là xướng Cao họa ít, riêng bày xưa nay? Tức là lãnh tụ có cơ phong bén nhọn, mới là khuôn phép của muôn đời. Nhưng ngài Tuệ Quang lúc đầu học theo Luật Tông, về

sau thông rành giáo lý, thơm tho tươi đẹp, hương thơm bay xa. Quán xét thành cây, xương cành phân bố lông mắt. Ý còn Hành hóa, lấy hộ Pháp làm gốc. Do đó các Bộ Kinh Hoa Nghiêm, Địa Luận đều ở địa vị giềng mối khuôn mẫu, khắp đến ngày nay thành Tụng không bị rơi lạc, là vì nguyên do ấy.

Vả lại, Phật Pháp truyền đến phương Đông, ở đời gọi là hoàng bá. Luận về sự tươi tốt thì chẳng lúc nào hưng thịnh bằng thời nhà Lương, nhà Tề. Nên lúc Vua Võ Đế trị vì (502-550) noi theo tiếp thừa Hộ Pháp. Giới Định Tuệ Phẩm chẳng phải un đúc, Vua thọ trì mười điều lành, mỗi ngày sáu thời hành đạo chẳng thiếu sót, dứt bật các thức ăn tanh nồng, ăn chay trường đến trọn đời. Nói làm cùng xem xét thật đáng tôn nghiêm. Từ lúc có Đế Vương về sau ít có người có khả năng phỏng theo. Bấy giờ, chư tăng thấy vậy, nghĩ muốn mình cũng phải làm sao cho bằng. Các Hàng đốc học chí thành phần nhiều phô bày Tế Khí. Khi vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề trị vì đất nước, Quyền dụng chẳng thể nghĩ được, hoặc xuất hoặc xử, hàng tiểu tiết chẳng nghĩ lường, chột trí chột ngu, kính tin sự khoáng đạt của bậc Đại nhân. Đến như tôn kính Phật lý, bắt chước tiếp thừa giới hộ, từng trải tóc dưới đất để Sa-môn dẫm bước qua. Lại hay đốc suất trong nước, cấm đoán rượu thịt, phóng thả các loài chim săn chó săn. Các việc săn bắn chài lưới giết hại, khắp cả nước đều chẳng được làm. Mỗi năm ba tháng sáu ngày khuyến dân chúng hành trì trai giới. Các thứ Hành hạ dầu của công hay của tư đều phá diệt hết. Lại lập ngay Chiêu Huyền Thập Thống để làm thanh tịnh chánh pháp, khiến cho cả hai trăm muôn chúng đều yên ổn tiếp nối không vướng mắc trần. Chỉ một mình Sư là người có công.

Đến đời vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) niên hiệu Định nghiệp, thời Bắc Chu khắp Tần Xuyên mở lớn Thích Phủ. Sa-môn Đạo An lại xứng Hoàng lương, giáng lễ nơi cung triều, bày kính khắp Hoa Di, dẫn sông ngòi của Long Thọ, ảnh hưởng kiêu lộng của Di Thiên (Thích Đạo An) khắp chốn võ phục, Đạo nhờ văn mài mở rộng, công phu khai mở mê mờ rộng rãi chính là kinh lược. Chỉ vì Vận gặp lúc Đạo bị tiêu diệt, nên đến tuổi trung niên, nhà vua bèn hủy báng, tuy bày hiển luận nhưng chẳng biểu hiện sâu xa, bệnh ong thành châu ngọc, trọn ở nơi thân thể. Cuối cùng có Sa-môn Vong Danh lại tiếp lỗi ấy, uất ức nghèo bệnh, vùi lấp gặp nhưng tục. Khi vua Tuyên Đế (Võ Văn Huân 579 thời Bắc Chu) lên ngôi liền sửa đổi chính sách của triều đại trước, kinh tượng dần mở mang, trai hội được thiết lập, mà thiếu hóa độ, sáng lập nghĩa học còn

yếu.

Đến đời văn Văn Đế (Dương Khiêm, 581-605) đời Tùy, mang độ ở tại thân, chuyên mở mang Phật Giáo. Đầu niên hiệu khai Hoàng (581) xây dựng nhiều Nhân từ. Nơi có chư tăng hành đạo đều xây dựng chùa chiền, thỉnh các Học Đồ đều nhóm họp về kinh đô. Trong đó Cao Đệ tự là đẳng cấp. Nên có hai mươi lăm chúng cao vọng liệt bày ở Đế Thành. Tùy theo kính mến học phương, mặc ý bày hoàng hóa. mỗi ngày lên điện xếp hàng bảy vị tăng đọc tụng các kinh và khai giảng nghĩa lý. Mất vua thấy được muôn cơ mà tai nghe được chánh Pháp. Bảy giờ, Phật giáo lại mở mang cao thoáng, tuy giảm bớt so với thời nhà Lương, nhà Tề, nhưng cũng truyền đạt ở đời sau. Có Sa-môn Tuệ Viễn là bậc Khai sĩ còn lại của đời Tề, là Cao tăng ở đời Tùy. Mới đầu đến Đế Thành liền trình bày giảng bàn. Chư tăng siêng năng thưa hỏi có hơn bảy trăm vị, đạo pháp hoàng hóa hai phần ba trong Thiên hạ, ngoài ra các bậc Minh thắng nối nhau ngang bằng, như Sa-môn Tăng Xán là bậc Luận sĩ nổi tiếng, ngài Tuệ Tạng được gọi là nhận biết sâu mầu. Ngài Tăng Hưu thông hiểu Đại Luận, ngài Pháp Kinh khéo thể nhận nguồn giáo. Ngoài ra có rất nhiều các anh tài, long tượng chẳng thể biết hết. Trong đó hơn cả có Sa-môn Đàm Diên lại là bậc Cao Kiệt. Còn như ngồi tại giường Vua, giảng bày Thanh giáo. Đến nỗi khiến muôn thừa đầu đánh lễ sát chân, đức của Sư cao lớn như thế.

Khi Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy lên nối ngôi, càng vang xa tiếng thật. Ngài Đạo Trang trông nhìn lời ở trong ngoài. Ngài Pháp Luận lễ ngự ở trước sau, cùng nguyện mở mang sáng ngời nơi Lương Đô. Mạnh thoát dần bày vẻ đẹp ở Chu Lễ. Đức dày lòng nhân lại khó thêm. Lúc đầu lên ngôi ở Tấn Đế. Các đạo tràng Tuệ Nhật, Pháp Vân rộng bày chư tăng. Các Quán Ngọc Thanh, Kim Đồng dẫn đầy Đạo Sĩ. Một nghề có xứng, ba trưng quán riêng, bánh xe Pháp xoay mãi, đước tuệ luôn tỏ. Phong hóa khắp cùng, Đàm Diên lại xa. Bảy giờ, các bộ kinh luận lại có nhiều và dồi dào. Đời gần dễ gọi, không nhọc phải trình bày.

Đến triều đại Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) trị vì đất nước, việc Đạo là Cao cả, sáng tỏ nghĩa Học mới là rộng xa. Đạo phong người ấy đâu dễ nói bày, liền nương giá mà nghe cho nên lược bỏ chỗ đến mức. Nhưng các Sa-môn Hạo, Bích kháng âm thanh ở Kim Lăng, sa-môn Thường và Biện mở mang ở Tam Phụ, sa-môn Thâm và Ý nổi danh ở Lương hà, sa-môn Cơ và Cảnh nêu tông tại Ngọc Lũy. Và ở Trinh Châu, Tấn Châu thì hai Đạt mở khai khuôn phép, ở Tề Châu, Lễ

Châu thì sa-môn Mật và Tài trình lược, sa-môn Nhuộm và Hội phân tích phù hợp, thường ngày kính trọng danh giáo. Các ngài Huy và Không thường ở tại chỗ ngồi, mà ngài Tung và Trạch kính ngưỡng nghĩa môn đó. Bốn ghi ở đương thời có lẽ thiếu sót, nhưng đức hạnh các ngài ấy chẳng phải không có, ánh sáng tiếp nối gồm tỏa. Các Luận sư chú giải biên soạn, thường lấy Chương sao làm khéo, xét văn dẫn nghĩa kính ngưỡng thuận theo khuôn phép trước, đồ chúng đông nhiều sửa đổi bày sai không dẫn dụ. Hoặc biên tập tiếp nối thiên trước, hoặc lẫn lộn hỗn tạp sự thấy biết ở đương thời, hoặc nói theo tuồng bụng, văn từ nghĩa lý trái nhau, hoặc trộm Văn người khác, ý nghĩa bít lấp, đều khắc thành mạng thị, vang vọng một thời. Giữa khoảng nói và làm cách nhau như sông Hà sông Hán, vốn thật là Tà Cầu, vọng thừa truyền giáo. Xét về ý vốn như thế, có thể gắng gượng ư?

Vả lại từ khi Kinh giáo lưu truyền khắp cùng, vốn ở thọ trì, Đại tập hiển bày văn của pháp hành, Niết-bàn làm sáng tỏ thuyết biết thời. Nay thì Bà-sa Chương cú lưu diễn tràn đầy, các thứ Hữu chưa phải là tính nghiệp. Giáo nghĩa siêu sinh đâu phải ý như vậy? Quý ở chỗ như Thuyết mà làm, ấy mới thật là yếu chỉ. Nên nay giảng khách đang ngồi, biên chép Văn nghĩa. Sự trống rỗng ấy lại rộng lớn, lấy gì làm sáng tỏ ư? Vả lại, như Thánh hạnh các phép hữu lậu từ xưa đến nay vốn bất lời. Duy thức lìa niệm mà đua nhau trình bày về hoạnh tướng. Thọ học Tỳ-đàm mà làm theo giới ác, lại kính thờ đó là người thông tuệ. Nghe học Kinh Lăng-già mà ưa thích sự ăn uống, lại dùng làm thông cực. Đối tráo kẻ thế tục mù mờ, lẫn lướt bậc Hiền giả ngày trước. Liếc nhìn Thiên Hán, xem thường giới cấm. Cho tà tuệ là chân giải, lấy loạn thức làm viên trí, chẳng sâu tỏ ngộ, uổng mất tháng ngày. Cho nên khiến nói pháp chìm trôi trùn khắp niệm xứ, Bàn-đặc ngu già, đủ nêu Hiền ngu. Biện luận tài giỏi khác ở đời trước, nói lên Hậu báo ngu ngơ, rõ ràng như thế, có thể chẳng dạy răn ư!

Lập bày luận nghĩa, vốn có bốn điểm, đó là: Hoặc kích dương để làm sáng tỏ Đạo lý ấy, yếu chỉ sâu mâu nhờ đó được khai mở. Hoặc ảnh hưởng vì thổi lên cơn gió ấy, tuệ nghiệp nhờ đó được dựng lên rộng rãi. Hoặc có tâm nghi thưa hỏi để làm sáng tỏ nghi quyết. Cốt yếu chánh là Đương Cơ, hoặc khoe khoang để đối gạt Hiền giả ở đương thời. Đặc định Văn từ để nhổ mũi tên ngu, gá duyên có bốn điểm như thế, thông rành ở chỗ không cơ hiểm, ắt việc lẫn lướt trở lại phù hợp với súc sinh cầm thú. Cho nên Luận Sĩ ở trong đời hợp hội Thanh nhu, việc mới đầu ngâm chứa, đến cùng thành hãm độc. Tiếng tăm ai thưởng, cảnh

giới chẳng phải phạm, đồ chúng đông nhiều, chống cự xoay chuyển, rốt cuộc kết quy, mài mòn nổi lòng. Nên có Luận của Vương Bản đều làm sáng tỏ thể của rắn Sâm, hợp với nhà trống, chủ chốt gồm khéo lời. Nghe luận Đạo ấy chỉ nghe lời giết chết. Xem Dung sắc ấy chỉ thấy tướng phân bày, và tạo tác nghiệp về sau. Hoặc sinh đọa vào quả báo loài rắn, hoặc lưỡi cháy bỏng trong cổ họng. Hoặc Sa-môn tăng tướng ở địa ngục dẫn tiếp đời sau ấy, hoặc lửa dữ thiêu đốt lỗi lầm ngày trước. Nghiệm ở lâu núi của Sa-môn Ngạn Tông, lại có thể rắn bảo.

Cho nên biết đạo nhờ ở người mở mang, chẳng phải người không thể nói Đạo. Há nói nghĩa phủ đều như thế ư? Nên Ngài Trí Tạng để lại vết trần, ngài Tuệ Quang tiếp nối sau, Tông ngưỡng sắp bày, đâu có dấu vết ư? Sa-môn Đàm Dụ là bậc hạnh giải cùng cao, giáo điển nội ngoại đều thông hiểu, cũng là người khó gặp ở đương thời, nhưng lập tánh cứng rắn, nghị lực cao vời, chẳng có ai bày. Người hầu rơi đổ cả mồ hôi mới có thể làm bậc thầy khuôn phép. Người đời hoặc gièm chê luận, lấy đó làm trước, đó cũng chẳng sánh đức mà trông xem. Nói tục mà đàm luận cuộn cuộn như gió thổi. Tâm ái buộc kín chưa thăm sở đoản ấy mà dung nhiều vết lụy. Thấy tâm máy động. Hoạ phước gắn nhau. Nếu chẳng biết trước, làm sao thành rắn bảo, khiến cho Dụ Công rộng đượm như thế, nếu xoay lại tìm ở chính mình, thì lời ấy tự mất. Cho nên Tuyên ni lưu không có từ ngữ đầy đủ, Cư sĩ đặt ra luận chưa khinh, thật có nguyên do vậy?

Ở đời, có Sa-môn Tuệ Hưu là người nối pháp ngài Linh Dụ, học luận Tạt Tâm mà sợ phạm tội nhỏ, nhận lễ làm thầy mà đích thân bưng Bình bát, pháp y. Gặp nạn mà lại lập tịnh trụ, vào nguy ách mà dạy rắn sâu cấm ước. Nhân, pháp đều đầy đủ, Tuệ giải thông suốt huyền vi, Chương sơ lưu hành, Tụng làm Châu Ngọc, còn sợ không phải là nghiệp trước! Ngoài ra thì nên nói lược.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN  
(Quyển 15 hết).